**BÀI 5. KHÁT VỌNG CÔNG LÍ**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm: cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản, bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn giửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản văn học.

- Trình bày được một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ; phân tích được đặc điểm, tác dụng của điển tích, điển cố.

- Viết được một VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích được nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

- Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra

**2. Phẩm chất**: Thấu hiểu và đồng cảm với khát vọng về công lí của con người

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Học liệu:** Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

**III. Tiến trình dạy học**

**PHẦN TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**GV tổ chức hoạt động NHÌN HÌNH ĐOÁN CHỮ**



***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Khát vọng công lí luôn là điều mà chúng ta hướng tới trong cuộc sống. Là mục tiêu, là thước đo của mọi chuẩn mực trong xã hội. Ngày hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu chủ điểm “Khát vọng công lí” qua những vần thơ Nôm để khám phá xem công lí trong thời đại xưa được thực thi như thế nào? Con người có phải đối diện với những bất bình hay không nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Dựa vào sgk, em hãy trình bày đôi nét về lịch sử văn học Việt Nam.  **GV tổ chức hoạt động Word search**    **GV tổc chức hoạt động Think – Pair – Share**    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS hoàn thành PHT, tham gia hoạt động  - HS suy nghĩ, lắng nghe và trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá | **I. Đôi nét về lịch sử văn học Việt Nam**  **\* Văn học dân gian**  **- Sáng tác và lưu truyền bằng phương thức truyền miệng.**  **- Đa dạng về thể loại:**  + Tự tự (thần thoại, sử thi, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn…)  + Trữ tình (ca dao, dân ca)  + Lời nói dân gian (tục ngữ, câu đố)…  **\* Văn học viết**  **Gồm 3 bộ phận:** văn học chữ Hán, văn học chữ Nôm, văn học chữ Quốc ngữ  - **Nội dung:** tùy vào bối cảnh lịch sử xã hội và hoàn cảnh sáng tác mà thiên về nội dung yêu nước, tự hào dân tộc hoặc thiên về nội dung nhân đạo.  + VH chữ Hán: tự sự, truyện đều được viết bằng văn xuôi.  + VH chữ Nôm: thơ trữ tình, truyện đều được viết bằng văn vần.  🡪 VH chữ Hán, chữ Nôm coi trọng tính quy phạm, vẻ đẹp mực thước, cao nhã, ưa chuộng sử dụng điển tích, điển cố…  + VH chữ Quốc ngữ lại đề cao cái đẹp độc đáo, muôn màu muôn vẻ và tinh thần tự do sáng tạo của nhà văn, nhà thơ.  **II. Truyện thơ Nôm**  **Khái niệm:** Là thể loại tự sự bằng văn vần và viết bằng chữ Nôm, ra đời từ thế kỷ XVII, phát triển mạnh vào cuối thế kỷ XVIII và thế kỷ XIX.  **Phân loại**  + Xét theo thể thơ: chủ yếu viết theo thể thơ lục bát.  + Xét về ngôn ngữ và đặc điểm nghệ thuật: TTN bình dân, TTN bác học.  + Xét theo tác giả: TTN khuyết danh, TTN hữu danh.  **Cốt truyện**: **Thường theo một trong hai mô hình**  + Gặp gỡ (hội ngộ) - tai biến (lưu lạc) - đoàn tụ (đoàn viên)  + Mô hình nhân - quả (ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ)  **Nhân vật**: **Thường chia thành hai tuyến: nhân vật chính diện và nhân vật phản diện.**  + Nhân vật chính thường được xây dựng theo khuôn mẫu như: chàng trai tài giỏi, nghĩa khí, cô gái xinh đẹp, nết na,…  **+** Trong các truyện thơ Nôm mô phỏng truyện cổ tích thần kỳ còn có những nhân vật kỳ ảo như đồ vật hay loài vật thần kỳ.  **+** Đặc điểm, tính cách của nhân vật thường được thể hiện qua hành động, ngôn ngữ, tâm trạng, cảm xúc.  **Lời thoại**: Là lời của nhân vật, gồm đối thoại và độc thoại |

**Tiết 56,57: Văn bản 1**

**LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**

*- Nguyễn Đình Chiểu -*

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

- Nêu được nội dung bao quát của Vb, bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của vb, phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học.

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

**2. Về phẩm chất:**

-Thấu hiểu và đồng cảm với khát vọng về công lí của con người.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu:** Phiếu học tập, trò chơi

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**Cách 1: GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**

+ Nhân vật anh hùng mà em yêu thích là ai?

+ Điều gì ở nhân vật ấy gây ấn tượng nhất với em?

**Cách 2: GV dẫn câu nói của tác giả Phạm Văn Đồng nhận xét về Nguyễn Đình Chiểu.**

*Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường nhưng thoạt nhìn chưa thấy sáng, song càng nhìn càng sáng. Nguyễn Đình Chiểu – nhà thơ yêu nước vĩ đại của nhân dân miền Nam thế kỉ XIX – là một trong những ngôi sao như thế!*

*Phạm Văn Đồng*

***🡪 GV dẫn dắt vào bài học:*** *Thời chiến, những người hùng xuất hiện với vai trò chiến đấu, khoác màu áo xanh để bảo vệ hoà bình, độc lập cho dân tộc. Thời bình, tạm gác lại những trận chiến cam go ấy, người hùng xuất hiện một cách bình lặng, giản dị, đôi khi, tồn tại ngay xung quanh cuộc sống của chúng ta. Không cần một cái tên, một dấu hiệu nhận diện, họ có thể là những người bình dị, người dân thường, thấy bất bình mà đứng lên bảo vệ chính nghĩa…Không cần trả ơn, không cần được ghi nhận. Đơn giản và cao cả như vậy đó. Ngày hôm nay, cô sẽ mang đến cho các em một hình tượng người anh hùng như vậy, mang tên Lục Vân Tiên, cô mời các em cùng vào bài học ngày hôm nay qua văn bản “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đánh giá theo bảng kiểm**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Đ** | **CĐ** | | Đọc to, rõ, trôi chảy |  |  | | Ngắt nhịp hợp lí |  |  | | Tốc độ phù hợp |  |  | | Phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật |  |  | | Lựa chọn được giọng đọc phù hợp với tính cách nhân vật thể hiện trong đoạn trích |  |  |   **- GV hướng dẫn HS giải thích một số từ ngữ khó qua hoạt động NOTES CHÚ THÍCH**  - Ghi chép nhanh các chú thích mà bản thân cần tìm hiểu.  - Chia sẻ cho bạn ngồi cạnh nghĩa của những chú thích đó  **GV tổ chức hoạt động nhóm (4 nhóm)**  Hãy comments, phát biểu những thông tin em biết về cuộc đời và sự nghiệp của tác giả “Nguyễn Đình Chiểu” để hoàn thành “Bảng giới thiệu thông tin” của ông.    - GV yêu cầu HS trình bày ngắn gọn một số thông tin giới thiệu về truyện Lục Vân Tiên và đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - HS báo cáo sản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc, chú thích**  a. Đọc  b. Chú thích  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  **\* Cuộc đời**  **Trước 1859**  - 1843 : Đỗ Tú Tài  - 1849 : Mẹ mất 🡪 bỏ thi 🡪 Chịu tang 🡪 bị mù 🡪 bị bội hôn  - Sau đó về Gia Định mở trường dạy học, bốc thuốc, sáng tác thơ văn  **Sau 1859**  - Tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp  - Sáng tác thơ văn phục vụ kháng chiến  - Thực dân Pháp dụ dỗ 🡺 kiên quyết không hợp tác  **Khi ông mất**  - Cánh đồng Ba Tri (Bến Tre) rợp trắng khăn tang  **Ông trải qua một cuộc đời sóng gió, bất hạnh nhưng luôn lạc quan, nghị lực và khát khao cống hiến.**  **\* Sự nghiệp sáng tác**  **- Trước 1858**: viết với chủ đề đạo đức nhân dân: Lục Vân Tiên  **- Sau 1858**: viết về đề tài yêu nước chống Pháp: Chạy giặc, Dương từ hà mậu, Ngư tiều y thuật vấn đáp,Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (1859), Văn tế vong hồn dân lục tỉnh (1873)  **b. Tác phẩm**  **Truyện *Lục Vân Tiên***  **- Thể loại:** truyện thơ Nôm  **- Thời gian sáng tác:** khoảng đầu những năm 50 của thế kỉ XIX  **- Dung lượng:** 2082 câu thơ lục bát  **- Hình thức lưu truyền:** sinh hoạt văn hóa dân gian (hát, kịch…)  **Đoạn trích *“Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”***  **- Vị trí:** Phần đầu truyện  **- Nội dung:** Kể về câu chuyện Lục Vân Tiên đánh cướp cứu người trên đường đi thi. |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn**: Theo em, nhan đề *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* có thể hiện được nội dung bao quát của văn bản không? Vì sao?  **GV tổ chức hoạt động nhóm bàn, áp dụng kĩ thuật Trình bày một phút**: Tóm tắt các sự việc được kể và xác định bố cục của văn bản.  **Gv hỏi thêm**: Nhân vật trong truyện thơ Nôm thường được chia thành hai tuyến đối lập nhau, đặc điểm đó được thể hiện như thế nào trong đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga.*  **GV tổ chức hoạt động nhóm (2 nhóm lớn)**  + Nhóm 1: Tìm hiểu nhân vật Lục Vân Tiên    + Nhóm 2: Tìm hiểu nhân vật Kiều Nguyệt Nga    **GV tổ chức hoạt động Tiếng nói anh hùng:** Câu nói nào của Lục Vân Tiên đã thể hiện quan niệm của nhân vật về người anh hùng? Em có đồng tình với quan điểm đó không? Vì sao?  Cứu giúp, làm ơn cho người khác mà không màng tới sự báo đáp (*Làm ơn há dễ trông người trả ơn, Nào ai tính thiệt so hơn làm gì?);* Coi việc nghĩa là bổn phận, trách nhiệm của người anh hùng *(Nhớ câu kiến nghĩa bất vi/ Làm người thế ấy cũng phi anh hùng)*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lắng nghe, trả lời câu hỏi, chia nhóm và hoàn thành PHT  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá. | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Một số yếu tố của truyện thơ Nôm**  **a. Nhan đề, nội dung bao quát**  - Nhan đề: **Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga**  - Nội dung chính: kể về việc Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga  🡺 Nhan đề đã thể hiện được nội dung bao quát của VB  **b. Sự việc chính và bố cục của văn bản**  **- Các sự việc được kể:**  + Vân Tiên tả đột hữu xung, đánh tan bọn cướp Phong Lai  + Nguyệt Nga muốn đền công cứu mạng nhưng bị Vân Tiên từ chối.  **- Bố cục VB:**  + Từ đầu đến “… thác rày thân vong”: Vân Tiên đánh tan bọn cướp Phong Lai.  + “Dẹp rồi lũ kiến chòm ong” đến hết: Nguyệt Nga muốn đền công cứu mạng nhưng bị Vân Tiên từ chối.  **c. Nhân vật**  **\* Các nhân vật trong truyện**  - Lục Vân Tiên  - Kiều Nguyệt Nga  - Kim Liên (người hầu của Nguyệt Nga)  **🡪 Nhân vật chính nghĩa**  - Bọn cướp Phong Lai  **🡪 Nhân vật phi nghĩa**  **🡪 Nhân vật chia 2 tuyến đối lập nhau, phân chia một cách rõ rệt, không có nhân vật trung gian**  **🡪 Đặc trưng của truyện thơ Nôm**  **\* Nhân vật Lục Vân Tiên**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tính cách** | **Biểu hiện** | **Dẫn chứng** | | Có vẻ đẹp lí tưởng của một trang nam nhi | Tài giỏi, văn võ song toàn, tài đức gồm đủ | + Văn: đỗ Trạng nguyên  + Võ: đánh cướp cứu Nguyệt Nga | | Anh hùng hào hiệp, giàu lòng nhân ái, dám xả thân vì việc nghĩa | Lục Vân Tiên trên đường đi thi 🡪 gặp kẻ cướp hung hãn 🡪 cứu giúp | *+ “Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô”*  *+ “Vân Tiên tả đột hữu xung”*  … | | Trọng nghĩa khinh tài | + Cứu giúp người vì việc nghĩa, không màng danh lợi  + Vân Tiên ân cần hỏi thăm người bị nạn và quyết không nhận sự đền ơn.  + Bày tỏ quan điểm của mình về phận sự nam nhi | *+ “Làm ơn há dễ trông người trả ơn”*  *+ “Nào ai tính thiệt so hơn làm gì?”*  … |   **Nhận xét chung:** Là hình ảnh đẹp, lý tưởng, tác giả gửi gắm niềm tin và khát vọng về trang anh hùng vì dân dẹp loạn.  **\* Nhân vật Kiều Nguyệt Nga**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tính cách** | **Biểu hiện** | **Dẫn chứng** | | Gia giáo, nền nếp | Lời nói và hành động rất mực đoan trang dịu dàng, khuôn phép | *“Thưa rằng,…/ Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa…”.* | | Hiếu thảo | Khi cha cho quân rước đi để định bề nghi gia, nàng nhất mực nghe theo | *“Làm con đâu dám cãi cha”.* | | Ân nghĩa thuỷ chung | + Dù xuất thân từ tầng lớp trên, nhưng cách nói chuyện, thái độ của nàng với Vân Tiên rất kính trọng.  + Cảm ơn và mong muốn chàng cùng qua Hà Khê để được báo đáp ơn cứu mạng. | …*“Xin theo cùng thiếp đền ơn cho chàng”*… |   **Nhận xét chung:** Là hình ảnh mẫu mực, kết tinh cho vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ phong kiến. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  + Xác định chủ đề của văn bản và phân tích các căn cứ giúp em xác định chủ đề đó.  + Tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua văn bản? Ngày nay, thông điệp ấy có còn giá trị không? Vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Chủ đề, thông điệp của văn bản**  **a. Chủ đề**  **- Lục Vân Tiên**: Lòng nhân ái, tinh thần xả thân vì việc nghĩa.  **- Kiều Nguyệt Nga**: Ca ngợi phẩm chất đạo đức tốt đẹp của người phụ nữ  **- Tác giả**: Khát vọng hành đạo giúp đời  **- Căn cứ xác định chủ đề**  + Các chi tiết miêu tả hành động, lời nói của các nhân vật  + Sự kiện, mạch cảm xúc chủ đạo  + Nhan đề  **b. Thông điệp:**  - Lòng nhân ái, khát vọng hành đạo giúp đời  - Quan niệm chịu ơn thì phải trả ơn của tác giả.  **- Ý nghĩa**: Tinh thần trượng nghĩa, việc chịu ơn thì phải trả ơn cũng là một thông điệp nhiều ý nghĩa cho đến ngày nay vì nó thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây, vốn là một đạo lí truyền thống lâu đời của dân tộc. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  Phân tích đặc điểm ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật được thể hiện trong đoạn trích?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **3. Đặc sắc nghệ thuật của văn bản**  **- Ngôn ngữ đối thoại:**  + mộc mạc, dễ hiểu, thẳng thắn  + ngôn ngữ của đời sống, ít chữ nghĩa, ít uẩn khúc  + hầu như không có điển tích, điển cố   * **Tính cách, đời sống của nhân vật được bộc lộ**  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Bọn Phong Lai** | **Nguyệt Nga** | **Lục Vân Tiên** | | Hung dữ, ngạo mạn, gian ác và vô học | Chân thành, lễ độ, nhân hậu, có trước có sau | + Thẳng thắn, rõ ràng, dứt khoát (bọn Phong Lai)  + Nhẹ nhàng (Nguyệt Nga) | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm yếu tố nghệ thuật và nội dung của văn bản  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Miêu tả nhân vật chủ yếu qua cử chỉ, hành động, lời nói.  - Sử dụng ngôn ngữ đối thoại mộc mạc, bình dị, gần với lời nói thông thường, mang màu sắc Nam bộ rõ nét.  **2. Nội dung**  - Khắc hoạ những phẩm chất đẹp đẽ của hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.  - Thể hiện khát vọng hành đạo giúp đời của tác giả |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**GV tổ chức trò chơi ẾCH XANH MƯU TRÍ**

**Câu 1:** Nhân vật Lục Vân Tiên thuộc kiểu nhân vật nào trong văn học?

A. Nhân vật tư tưởng.

**B. Nhân vật lý tưởng.**

C. Nhân vật điển hình.

D. Nhân vật sử thi.

**Câu 2:** Ý nào nói đúng nhất bản chất con người của Lục Vân Tiên trong lời nói và thái độ của chàng với Kiều Nguyệt Nga?

A. Vì nghĩa lớn, không màng danh lợi

B. Từ tâm, nhân hậu

C. Chính trực, hào hiệp

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 3:** Ngôn ngữ của Truyện Lục Vân Tiên có đặc điểm gì ?

A. Mộc mạc, giản dị.

B. Biến đổi rất linh hoạt.

C. Ngôn ngữ trau chuốt.

**D. Đậm màu sắc Nam Bộ.**

**Câu 4:** “Truyện Lục Vân Tiên” được viết bằng loại chữ nào?

A. Chữ Hán

B. Chữ quốc ngữ

**C. Chữ Nôm**

D. Chữ Pháp

**Câu 5.** Hai câu thơ “Gẫm câu báo đức thù công – Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi” thể hiện tâm trạng gì của Kiều Nguyệt Nga trước việc làm của Lục Vân Tiên?

**A. Băn khoăn, áy náy vì chưa biết làm thế nào để trả ơn Lục Vân Tiên.**

B. Thán phục trước việc làm nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên.

C. Coi thường việc làm của Lục Vân Tiên.

D. Ngưỡng mộ tài năng của Lục Vân Tiên.

**Câu 6**: Hình ảnh Lục Vân Tiên trong đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” khiến em liên tưởng đến nhân vật trong truyện cổ tích nào?

A. Người em trong truyện “Cây khế”

B. Nhà vua trong truyện “Tấm Cám”

C. Anh Khoai trong truyện “Cây tre trăm đốt”

**D. Thạch Sanh trong truyện “Thạch Sanh”**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**1. GV nêu nhiệm vụ: TÌM NHỮNG ĐIỂM GIỐNG VÀ KHÁC NHAU GIỮA LỤC VÂN TIÊN VÀ TÁC GIẢ**

\* Giống nhau

- Bỏ thi về chịu tang, bị đau mắt, bị mù

- Bị bội hôn

- Về sau đều gặp cuộc hôn nhân tốt đẹp

\* Khác nhau

- Lục Vân tiên được tiên cho thuốc nên mắt sáng lại được, thi đỗ trạng nguyên, cầm quân đánh giặc thắng lợi

- Nguyễn Đình Chiểu vĩnh viễn là bóng tối

**2. GV tổ chức hoạt động THINK- PAIR- SHARE: Tìm hiểu sự nghiệp, quá trình sáng tác thơ văn của tác giả Nguyễn Đình Chiểu và chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt (nếu có) giữa:**

a. Hoàn cảnh, mục đích sáng tác *Truyện Lục Vân Tiên* và các tác phẩm khác của ông như *Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*,...

b. Tình cảm, cảm xúc của tác giả khi kể lại hành động Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga trong *Truyện Lục Vân Tiên* và khi nhắc đến “trang dẹp loạn” trong bài thơ *Chạy giặc* (xem thêm *Ngữ văn 8*, tập hai, bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **So sánh** | | ***Truyện Lục Vân Tiên*** | ***Chạy giặc*** | ***Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*** |
| Giống nhau | | Đều được sáng tác trong thế kỉ XIX, dưới chế độ phong kiến | | |
| Khác nhau | Hoàn cảnh | Sáng tác vào khoảng đầu những năm 50 của thế kỉ XIX, sau khi bị cảnh mù loà, mẹ mất | Được sáng tác trong bối cảnh đất nước ta đang bị Pháp tấn công | |
| Mục đích sáng tác | Tác giả muốn đem gương người xưa mà khuyên người ta về cương thường – đạo nghĩa, bàn đạo làm người với quan niệm văn dĩ tải đạo | Tác giả muốn thể hiện lòng yêu nước và phản đối sự xâm lăng của thực dân Pháp | Tác giả ca ngợi những người anh hùng áo vải đã hi sinh vì đất nước. |

**- Tình cảm, cảm xúc của của tác giả khi kể lại hành động Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga trong *Truyện Lục Vân Tiên***: ca ngợi tài năng, đức độ của một nhân vật anh hùng.

**- Tình cảm, cảm xúc của tác giả khi nhắc đến “trang dẹp loạn” trong bài thơ *Chạy giặc*:** sự thất vọng, sự trông đợi đến mỏi mòn, có phần oán thán khi chất vấn về sự vắng bóng của những “trang dẹp loạn” trong hoàn cảnh đất nước bị giày xéo dưới gót giày quân xâm lược.

**🡺 Đối nghịch nhau**

**IV.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC.**

**1.Bài vừa học:**

-Đọc lại văn bản.

-Học thuộc nội dung ghi vở.

**2.Bài sắp học**: Thúy Kiều báo ân, báo oán

-Đọc và trả lời các câu hỏi sgk/131,132…

**Tiết 58,59 : Văn bản 2**

**THUÝ KIỀU BÁO ÂN, BÁO OÁN**

**(Trích Truyện Kiều)**

*Nguyễn Du*

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

- Nêu được nội dung bao quát của Vb, bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của vb, phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

**2. Về phẩm chất:**

- Thấu hiểu và đồng cảm với khát vọng về công lí của con người

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

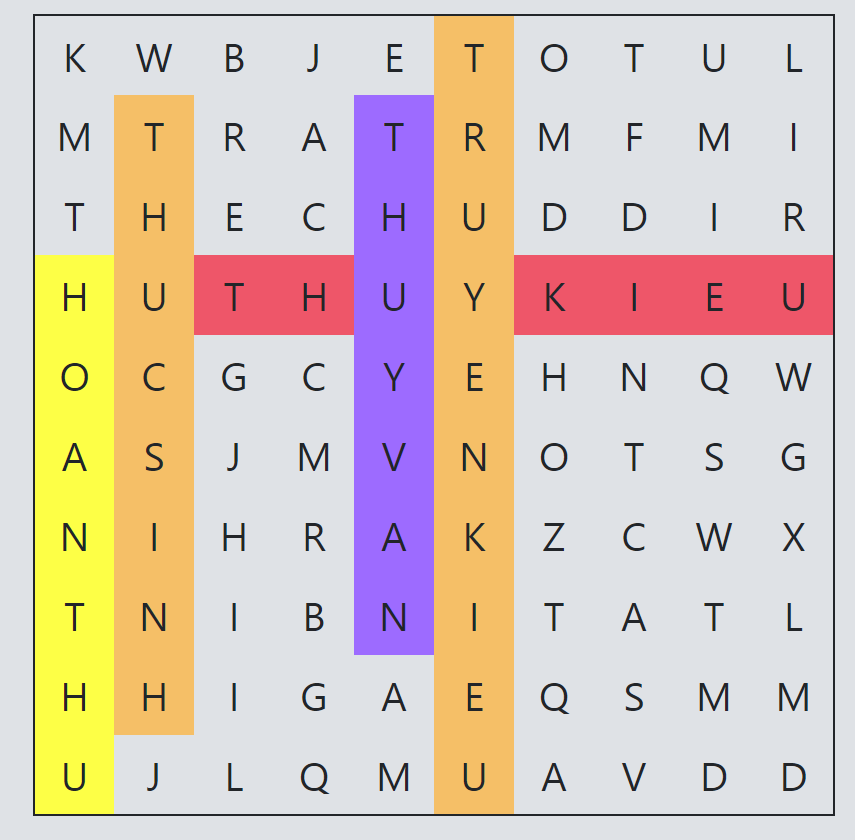
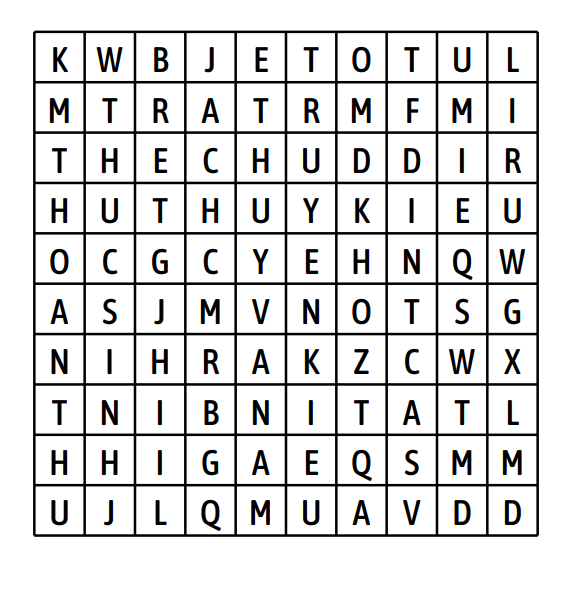
- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu:** Phiếu học tập, trò chơi

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**GV tổ chức trò chơi GIẢI MÃ Ô CHỮ**



***🡪 GV dẫn dắt vào bài học:*** *Đó là những tên của những nhân vật xuất hiện trong kiệt tác mang tên “Truyện Kiều” của Đại thi hào Nguyễn Du. Buổi học ngày hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu về những nhân vật đó, về những mối quan hệ trong cuộc sống, những ân oán của họ. Cô mời cả lớp cùng vào bài học luôn nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Phần I. Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Gv gọi HS đọc trước lớp và giải thích một số từ khó qua hoạt động CHÚ THÍCH SỐNG**  - Chia lớp thành 4 nhóm  - Các nhóm chọn một đoạn văn bản có chú thích quan trọng.  Trình bày: Mỗi học sinh trong nhóm sẽ đóng vai là một chú thích, trình bày về ý nghĩa, nội dung…của chú thích đó.  **GV tổ chức hoạt động BÁO CÁO SẢN PHẨM Infographics - Đại thi hào Nguyễn Du**  GV gọi đại diện 1 nhóm trình bày Infographics của nhóm mình về chân dung Đại thi hào Nguyễn Du  Gợi ý 1 số Infographics    **GV mở rộng:** Tác giả Mộng Liên Đường trong lời tựa *Truyện Kiều* đã viết: “Lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm ở trên tờ giấy, khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía ngậm ngùi, đau đớn đứt ruột… Tố Như dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hệt, đàm tình đã thiết, nếu không phải con mắt trong thấu sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời, thì tài nào có cái bút lực ấy”.  **GV tổ chức hoạt động nhóm bàn (2 bàn), yêu cầu hoàn thành PHT**    **GV mở rộng:** *“Truyện Kiều* và Nguyễn Du giờ đây đã trở thành biểu tượng văn hóa Việt Nam – biểu tượng thấm đẫm hồn cốt dân tộc Việt. Nguyễn Du và tác phẩm *Truyện Kiều* có ảnh hưởng lớn tới đời sống văn chương, văn hóa và xã hội,…”  **(Trần Đình Sử, *Thi pháp Truyện Kiều*)**  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Em hãy trình bày vị trí của đoạn trích “Thuý Kiều báo ân, báo oán”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi, hoàn thành nhiệm vụ học tập  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc, chú thích**  **a. Đọc**  - Đọc to, rõ ràng, diễn cảm,  - GV đọc mẫu đoạn đầu, yêu cầu HS đọc một số đoạn tiêu biểu  **b. Chú thích**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả:** Nguyễn Du (1765 – 1820)  - Quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An, nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.  - Cuộc đời Nguyễn Du gắn với một thời đại lịch sử đầy biến động nên trải nhiều thăng trầm.  - Ông không chỉ có vốn tri thức uyên bác, vốn sống phong phú, am hiểu sâu sắc về con người mà còn có trái tim mang nặng nỗi thương đời.  - Sự nghiệp văn học: đóng góp to lớn ở cả hai bộ phận sáng tác chữ Hán và chữ Nôm  🡺 Được suy tôn là đại thi hào của dân tộc, được UNESCO vinh danh và kỉ niệm 250 năm ngày sinh của ông.  **b. Tác phẩm**  **\*Tác phẩm “Truyện Kiều”**  - **Nguồn gốc cốt truyện**: tiểu thuyết “Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc)  **- Hoàn cảnh sáng tác:** Viết vào đầu thế kỉ XIX (1805 – 1809) dưới triều Nguyễn.  **- Thể loại:** Truyện thơ Nôm  **- Dung lượng:** 3254 câu thơ **lục bát**  **- Tên chữ:** “Đoạn trường tân thanh” (Tiếng kêu mới về nỗi đau đứt ruột)  **- Cốt truyện:** 3 phần: *gặp gỡ (hội ngộ) – tai biến (lưu lạc) – đoàn tụ (đoàn viên)*  **- Giá trị nội dung:**  **+** Giá trị nhân đạo: bày tỏ nỗi xót thương, đồng cảm với những số phận bi kịch; khẳng định, đề cao vẻ đẹp, quyền sống và những khát vọng chính đáng của con người (tình yêu, hạnh phúc, tự do và công lí,…).  + Giá trị hiện thực: tố cáo, lên án thực trạng của một xã hội mà đồng tiền và cái ác “lên ngôi”  **- Giá trị nghệ thuật:** xây dựng nhân vật, kể chuyện, sử dụng ngôn ngữ và thể thơ, tổ chức cốt truyện, thể thơ lục bát đạt tới đỉnh cao rực rỡ,…  **\*Đoạn trích “Thuý Kiều báo ân, báo oán”**  **- Vị trí:** nằm ở phần 2 (tai biến), từ câu 2315 đến câu 2396 |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  **+** Xác định các sự kiện chính được kể trong văn bản trên và những nhân vật gắn liền với các sự kiện ấy. Từ đó, tìm bố cục và nêu nội dung bao quát của văn bản.  + Kể tên các nhân vật trong đoạn trích  **GV áp dụng kĩ thuật dạy học theo trạm: Trạm khám phá nhân vật**  - Gv chia lớp thành 4 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện trạm 1)  - Các nhóm cử đại diện lên bốc thăm trạm nhân vật mình cần khám phá  - Thời gian: 15 phút  **\* Trạm 1:** Nhân vật Thuý Kiều  - Nhận xét về khung cảnh nơi Thuy Kiều thực hiện việc báo ân, báo oán.Việc khắc họa khung cảnh đó có ý nghĩa gì đối với cuộc đời nàng Kiều?  - Tìm một số chi tiết miêu tả hành động, ngôn ngữ của Thuý Kiều được thể hiện trong văn bản. Những chi tiết ấy cho thấy Thuý Kiểu là người như thế nào?        **\* Trạm 2:** Nhân vật Hoạn Thư  Hành động, lời nói của Hoạn Thư thể hiện điều gì về tính cách nhân vật này? Theo em, nhân vật Hoạn Thư có vai trò gì trong việc thể hiện chân dung nhân vật Thuý Kiều?    **\* Trạm 3:** Nhân vật Từ Hải  Em hãy nhận xét về sự hiện diện và vai trò của nhân vật Từ Hải trong việc thể hiện chân dung nhân vật Thuý Kiều?    **GV tổ chức hoạt động CHÚNG EM BIẾT 3**: Em có suy nghĩ gì về việc Thuý Kiều tha bổng cho Hoạn Thư? Sự việc ấy thể hiện nét tính cách gì của nhân vật Thuý Kiều?  – Việc Kiều tha bổng Hoạn Thư không hẳn là do Hoạn Thư “khôn ngoan” mà là do tấm lòng khoan dung, độ lượng của Thuý Kiều 🡪 giúp người đọc hiểu rõ hơn về tấm lòng nhân hậu, vị tha của nàng Kiều.  – Việc Kiều tha bổng Hoạn Thư cho thấy Kiều là người rất thấu hiểu lẽ đời, dễ cảm thông cho hoàn cảnh của kẻ khác.  – Việc Kiều tha bổng Hoạn Thư thể hiện sự phát triển hợp lí trong diễn biến tâm lí nhân vật (Kiều là một cô gái giàu lòng nhân hậu).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành nhiệm vụ nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Một số yếu tố của truyện thơ Nôm**  **a. Sự kiện chính và bố cục của văn bản**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Bố cục** | **Các sự kiện chính được kể trong văn bản** | **Các nhân vật xuất hiện gắn liền với sự kiện** | | **Phần 1**: 10 dòng thơ đầu (*Trướng hùm mở giữa trung quân … Từ rằng “Việc ấy để cho mặc nàng”*) | Từ Hải mở “trướng hùm” và trao quyền báo ân, báo oán cho Kiều | Từ Hải, Thuý Kiều | | **Phần 2**: 14 dòng thơ tiếp theo (*Cho gươm mời đến Thúc lang … Mồ hôi chàng đã như mưa ướt dầm*) | Kiều báo ân Thúc Sinh và một số người khác (phần này đã bị lược bớt: từ câu 2339 đến câu 2354) | Thuý Kiều, Thúc Sinh; phần bị lược bớt có sự xuất hiện của mụ già (bà quản gia nhà họ Hoạn) và Sư trưởng (Giác Duyên) | | **Phần 3**: 34 dòng thơ tiếp theo (*Dưới cờ gươm tuốt nắp ra … Thề sao thì lại cứ sao gia hình*) | Kiều báo oán Hoạn Thư và những kẻ khác | Thuý Kiều, Hoạn Thư, Bạc Hạnh, Bạc Bà, Ưng, Khuyển, Sở Khanh, Tú Bà, Mã Giám Sinh | | **Phần 4**: Phần còn lại | Lời bình của người kể chuyện |  |   **🡪*Truyện Kiều* mang đặc điểm mô hình *gặp gỡ (hội ngộ) – tai biến (lưu lạc) – đoàn tụ (đoàn viên)* của truyện thơ Nôm**  **🡺 Nội dung bao quát của VB:**  + Kiều dưới sự trợ giúp của Từ Hải đã thực hiện việc báo ân người đã giúp đỡ nàng  + Kiều trừng trị, răn đe những kẻ bất nhân, tàn ác.  **b. Nhân vật**  **\* Nhân vật Thuý Kiều**  **- Khung cảnh nơi Thuý Kiều thực hiện việc báo ân, báo oán**: Uy nghiêm, trang trọng, thiêng liêng,... “trướng hùm, giữa trung quân, Từ Công sánh với phu nhân cùng ngồi, tiên nghiêm, cửa viên,”  **Ý nghĩa**: Có ý nghĩa rất quan trọng đối với Kiều (khoảnh khắc công lí được thực thi, giây phút nàng được từ thân phận “con ong, cái kiến” bước lên vị trí của một quan toà thực hiện quyền phán xét)  **- Hành động, ngôn ngữ của Thuý Kiều**   |  |  | | --- | --- | | **Các sự kiện chính** | **Chi tiết miêu tả hành động, ngôn ngữ của Thuý Kiều** | | Từ Hải mở “trướng hùm” và trao toàn quyền báo ân, báo oán cho Kiều | Kiều nhờ cậy uy nghiêm của Từ Hải để thực hiện việc báo ân và báo oán | | Kiều báo ân | - Kiều bày tỏ lòng biết ơn, sự trân trọng của mình với những ân tình của Thúc Sinh:  + Kiều nhớ ơn Thúc Sinh đã cứu nàng thoát khỏi lầu xanh và những tháng ngày êm ấm của hai người.  + Kiều dùng nhiều từ Hán Việt (nghĩa, tòng, cố nhân, tạ,…) và điển cố (Sâm Thương) 🡪 bày tỏ thái độ trân trọng dành cho “cố nhân”  - Kiều đã nhắc đến Hoạn Thư và vạch rõ với Thúc Sinh về sự nham hiểm, độc ác của Hoạn Thư, đồng thời báo trước với Thúc Sinh về dự định trả thù của nàng | | Kiều báo oán | **- Kiều báo oán Hoạn Thư:**  + Đầu tiên, Kiều vẫn “chào thưa” và sử dụng cách xưng hô như lúc còn làm hoa nô cho nhà họ Hoạn.  + Tiếp theo, Kiều dường như dằn giọng từng tiếng và trong hoàn cảnh diễn ra cuộc báo ân, báo oán thì vị trí của Thuý Kiều và Hoạn Thư đã có sự thay bậc đổi ngôi 🡪 cách xưng hô và sử dụng ngôn ngữ phù hợp 🡪 thái độ mỉa mai, đay nghiến, giễu cợt đối với Hoạn Thư  + Sau khi nghe Hoạn Thư kêu ca, phân trần, Kiều thừa nhận đây là con người “khôn ngoan” và thừa nhận khó xử.  + Khi thấy Hoạn Thư tỏ vẻ biết lỗi, xin tha, Kiều có răn đe và rộng lượng tha cho Hoạn Thư.  **- Kiều báo oán những kẻ khác:**  + Kiều liệt kê từng kẻ gian ác: Bạc Hạnh, Bạc Bà, Ưng, Khuyển, Sở Khanh, Tú Bà, Mã Giám Sinh 🡪 nàng thật sự phẫn nộ, căm tức, uất hận  + Ngôn ngữ, giọng điệu: ngắn gọn, sắc lạnh, quả quyết 🡪 Kiều khẳng định hậu quả mà chúng phải gánh chịu hôm nay là kết quả của việc thực thi công lí ở đời  + Kiều dứt khoát, mạnh mẽ, kiên quyết nghiêm trị cái ác |   **🡪 Kiều người thấu hiểu đạo lí nhân nghĩa ở đời (báo ân rồi mới trả thù):**  + Với Thúc Sinh: trọng ân nghĩa, vị tha, tế nhị, khéo léo  + Với Hoạn Thư: bao dung, độ lượng, có phần thấu hiểu  + Với bọn “buôn thịt bán người”: mạnh mẽ, quyết liệt đòi lại công bằng cho bản thân, không khoan nhượng với cái ác  **\* Nhân vật Hoạn Thư:**  **Hành động, lời nói của Hoạn Thư**  - Hồn lạc, phách xiêu, khấu đầu dưới trướng, kêu ca  - Lời nói: Đưa ra nhiều lí lẽ để “kêu ca”, gỡ tội:  + Dẫn ra quy luật tâm lí thường tình của phụ nữ *(Rằng: “Tôi chút phận đàn bà/ Ghen tuông thì cũng người ta thường tình)* và khẳng định mình cũng là nạn nhân của chế độ đa thê (*Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai)*  + Kể lại những việc làm có lợi cho Kiều ngày trước: *Nghĩ cho khi các viết kinh/ Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo*  + Thừa nhận sự kính trọng thầm kín dành riêng cho Kiều: *Lòng riêng riêng những kính yêu*  + Nhận hết tội lỗi về phía mình: *Trót lòng gây việc chông gai*  + Trông cậy, nhờ vả hết vào tấm lòng khoan dung, độ lượng của Kiều: *Còn nhờ lượng bể thương bài nào chăng*  **Tính cách, vai trò của nhân vật**  - Tính cách: Khôn ngoan, giảo hoạt, thấu hiểu tâm lí đối phương  - Vai trò: góp phần thể hiện tấm lòng nhân hậu, bao dung, vị tha của Kiều  **\* Nhân vật Từ Hải:**   |  |  | | --- | --- | | **Các sự kiện chính** | **Sự hiện diện của nhân vật Từ Hải trong các sự việc** | | Từ Hải mở “trướng hùm” và trao toàn quyền báo ân, báo oán cho Kiều | - Cho dựng khung cảnh uy nghiêm, trang trọng để Kiều thực hiện việc báo ân, báo oán  - Cho Kiều vị trí cao quý, trang trọng, đầy khí thế  - Cho quân bắt về những người có liên quan đến ân oán của nàng  - Tin tưởng Kiều sẽ “báo đền cho minh” và giao toàn quyền báo ân, trả oán cho nàng thực hiện | | Kiều báo ân | Tạo ra cảnh oai nghiêm của nơi Kiều xử án 🡪 khiến Thúc Sinh hoảng sợ. | | Kiều báo oán | Uy quyền của Từ Hải tiếp tục thể hiện qua những hình ảnh như lá cờ, thanh gươm, trướng hùm, quân lính | | Lời bình của người kể chuyện | Uy quyền của Từ Hải hiện diện qua hình ảnh ba quân, pháp trường |   🡪 Từ Hải đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Kiều thực hiện việc báo ân, báo oán |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Xác định chủ đề của văn bản. Căn cứ vào đâu em có thể xác định như vậy.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Chủ đề của văn bản**  **- Chủ đề**: Hành động báo ân, báo oán nhân danh công lí, ân nghĩa của Thuý Kiều và Từ Hải  **- Căn cứ xác định chủ đề:**  + Cách sắp xếp các sự kiến chính  + Cách khắc hoạ khung cảnh báo ân, báo oán.  + Cách khắc hoạ tính cách nhân vật qua hành động, lời đối thoại, cách xây dựng nhân vật. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Em có nhận xét gì về nghệ thuật kể chuyện bằng thơ lục bát trong văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **3. Đặc sắc nghệ thuật của văn bản**  **Nghệ thuật kể chuyện bằng thơ lục bát**  - Truyện được kể bằng thơ nên giàu nhạc điệu  - Đặc điểm của thơ rất phù hợp để miêu tả diễn biến tâm trạng, những thay đổi tâm lí hết sức tinh tế của nhân vật;…..  - Tuy kể chuyện bằng thơ lục bát nhưng vẫn phát huy được vai trò của người kể chuyện ngôi thứ ba bao quát mọi việc, quan sát, miêu tả, trần thuật, bình luận, một cách tự nhiên.  - Những dòng thơ lục bát kết hợp khéo léo giữa kể chuyện với miêu tả, bình luận; giữa lời của người kể chuyện với lời của nhân vật; giữa thuật lại hành động, lời nói với miêu tả tâm lí, thể hiện cảm xúc, thái độ của nhân vật,…  - Đặc biệt, cách xây dựng đối thoại của nhân vật qua câu thơ lục bát rất uyển chuyển, biến hoá. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài và rút ra một số lưu ý khi đọc truyện thơ Nôm  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại  - Sử dụng nhiều thành ngữ dân gian, điển tích, điển cố  **2. Nội dung**  Qua ngôn ngữ đối thoại Nguyễn Du đã làm nổi bật tính cách nhân vật Thuý Kiều và nhân vật Hoạn Thư. Đoạn trích Thuý Kiều báo ân báo oán là sự thể hiện ước mơ công lí chính nghĩa theo quan điểm của quần chúng nhân dân: con người bị áp bức đau khổ vùng lên cầm cán cân công lí; “ở hiền gặp lành”.  **3. Lưu ý khi đọc truyện thơ Nôm**  - Xác định, tóm tắt các sự việc, từ đó xác định đặc điểm cốt truyện  - Chỉ ra đặc điểm, tính cách nhân vật được thể hiện qua hành động, ngôn ngữ (lời thoại), tâm trạng, cảm xúc,…  - Phân biệt lời thoại của nhân vật (đối thoại, độc thoại) và lời của người dẫn truyện  - Chú ý phân tích các chi tiết tiêu biểu, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**GV tổ chức trò chơi BẮT BƯỚM**

**1. Việc báo ân, báo oán, rạch ròi phân minh tuân theo đạo lý *“ơn đền oán trả”* thể hiện phẩm chất nào trong con người Thúy Kiều?**

**A. Tấm lòng vị tha, nhân nghĩa của nàng Kiều cùng ước mơ về lẽ phải, về công lý.**

B. Sự yếu đuối, mềm lòng vì quá thương người.

C. Sự sắt đá, lạnh lùng khi trừng trị những kẻ gây ra đau khổ cho nàng.

D. Sự mạnh mẽ, bất khuất dù kẻ thù có xảo quyệt đến đâu nàng cũng có thể khuất phục

**2. Ai là người giúp Thúy Kiều rửa hết những ân oán trong đời nàng?**

A. Thúc Sinh.

B. Kim Trọng.

C. Vương Quan.

**D. Từ Hải.**

**3. Vì sao Thúy Kiều lại báo ân Thúc Sinh?**

A. Vì Thúc Sinh đã cứu mạng Thúy Kiều khi nàng gặp nạn trên đường lưu lạc.

**B. Vì Thúc Sinh đã từng cứu nàng khỏi trốn thanh lâu ngày trước.**

C. Vì Thúc Sinh từng cưới nàng về làm vợ.

D. Vì Thúc Sinh đã cưu mang, cho nàng một mái ấm gia đình.

**4. Việc Thúy Kiều cho phép Hoạn Thư được biện hộ, xin tha cho lỗi lầm của mình thể hiện điều gì?**

**A. Là một sự tự tin vào chiến thắng trước lý lẽ của Kiều, cũng thể hiệ tấm lòng nhân hậu không tuyệt đường sống dù là kẻ ác nhân.**

B. Là sự chế diễu mà Thúy Kiều dành cho Hoạn Thư.

C. Là sự bao dung của Thúy Kiều.

D. Là sự yếu đuối, nhu nhược của Thúy Kiều.

**5. Đoạn trích *Thúy Kiều báo ân báo oán*thể hiện rõ nhất khát vọng nào của Nguyễn Du?**

A. Tình yêu tự do.

B. Quyền sống, quyền được làm chủ cuộc đời.

**C. Khát vọng công lí.**

D. Khát vọng xã hội văn minh, công bằng hơn với người phụ nữ.

**6. Chi tiết: *“Cho gươm mời đến Thúc lang”* thể hiện điều gì?**

A. Thể hiện sự giàu có.

B. Thể hiện quyền uy của một vị “nhất phẩm phu nhân”.

C. Thể hiện sự răn đen, đe dọa đến Thúc Sinh.

**D. Sự tôn trọng, biết ơn, trân trọng người cũ của Thúy Kiều.**

**7. Nguyễn Du mượn cốt truyện nào để sáng tác *Truyện Kiều?***

A. Đoạn trường tân thanh.

**B. Kim Vân Kiều truyện.**

C. Hoàng Lê nhất thống chí.

D. Bắc hành tạp lục.

**8. Việc để Thúy Kiều báo oán Hoạn Thư đã thể hiện công lý nào của đời người?**

A. Ơn sư trọng đạo

B. Đi đêm có ngày gặp ma.

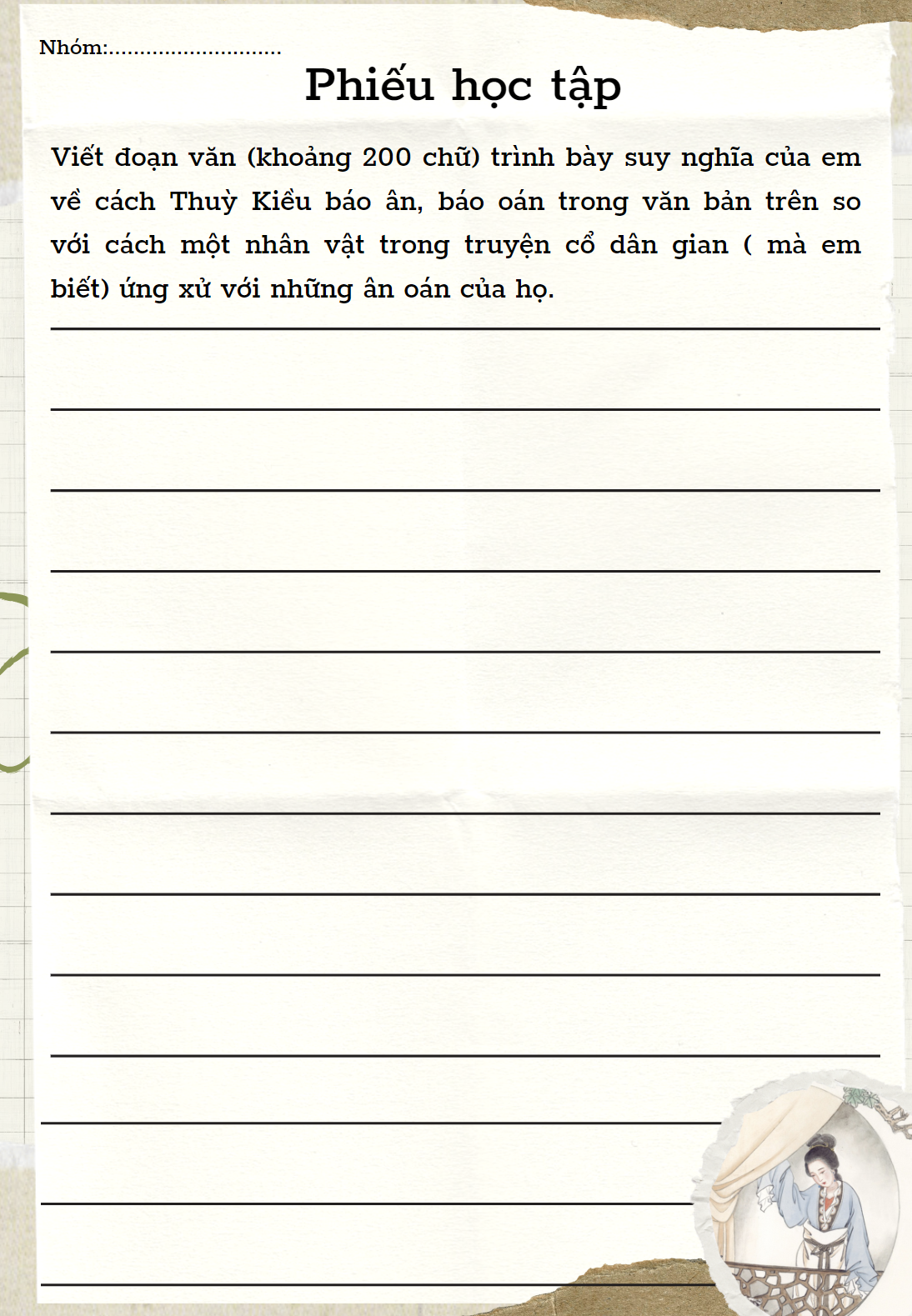
C. Có công mài sắt có ngày nên kim.

**D. Nhân quả báo ứng, làm điều ác không có ngày lành.**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**GV yêu cầu HS hoàn thành PHT**

****

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đ** | **CĐ** |
| **Nội dung** | Trình bày được ít nhất hai ý kiến của em về cách Thuý Kiều báo ân, báo oán trong VB trên so với cách một nhân vật trong truyện cổ dân gian ứng xử với những ân oán của họ |  |  |
| Giới thiệu rõ nhân vật trong truyện cổ dân gian (mà em biết) |  |  |
| **Hình thức** | Trình bày bằng hình thức đoạn văn có độ dài khoảng 200 chữ |  |  |
| Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu |  |  |
| Chữ viết rõ ràng |  |  |

**Đoạn văn tham khảo**

Dân gian ta có câu “Ơn đền oán trả”, quan điểm ấy đã thể hiện một thái độ rạch ròi, dứt khoát trong cách sống của người Việt. Có lẽ cách sống ấy đã có từ ngàn đời nay, được thử thách qua thời gian. Cho đến nay nó vẫn còn nguyên vẹn giá trị, chỉ có điều ơn trả thế nào, oán báo ra sao cho có văn hóa thì thật khó. Trong đoạn trích này thông qua việc báo ân oán của Thúy Kiều, Nguyễn Du đã gián tiếp bộc lộ văn hóa ứng xử của mình, chính ở đây tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du. So với truyện cổ tích “Tấm Cám”, Cám sẵn sàng nghe Tấm dội nước sôi để làm trắng da cũng không cần nghĩ nước sôi làm bỏng da. Mẹ Cám cứ việc ăn mắm làm từ xác con không cần tìm hiểu nguyên nhân, mùi vị... Cô Tấm thực hiện chức năng diệt ác, để cái thiện có môi trường sống yên bình. Tuy nhiên, hành động kết truyện ấy vẫn còn mang nhiều tranh cãi. Nhìn lại truyện “Thúy Kiều báo ân, báo oán”, ta cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của Thúy Kiều, bộc lộ sự nhân hậu, tấm lòng vị tha, lối sống cao thượng, sẵn sàng từ bỏ những ân oán khi xưa để bắt đầu một cuộc sống mới của nhân vật Thúy Kiều.

**IV.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC.**

**1.Bài vừa học:**

-Đọc lại văn bản.

-Học thuộc nội dung ghi vở.

**2.Bài sắp học**: Nhân vật lý tưởng trong kết thúc của truyện cổ tích thần kì

-Đọc và trả lời các câu hỏi sgk/136,137…

**Tiết 60:**

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM:**

**NHÂN VẬT LÍ TƯỞNG TRONG KẾT THÚC CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH THẦN KÌ**

*Bùi Mạnh Nhị, Nguyễn Tấn Phát*

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực:**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung văn bản nghị luận

- Liên hệ, kết nối với VB 1,2 để hiểu hơn về chủ điểm khát vọng công lí

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

**2. Về phẩm chất:**

-Thấu hiểu và đồng cảm với khát vọng về công lí của con người

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu:** Phiếu học tập, trò chơi

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**GV tổ chức hoạt động Nhanh như chớp:** Kể tên những nhân vật trong truyện cổ tích mà em biết.

- GV chia lớp thành 4 nhóm, các thành viên trong nhóm lần lượt ghi lên bảng đáp án của nhóm mình

- Thời gian: 3 phút

(*Tấm, Tích Chu, ông bụt, bà tiên, Mai An Tiêm, phú ông, dì ghẻ, Cám, Bạch Tuyết, Thạch Sanh, Lý Thông…)*

- GV gợi mở: chúng ta có thể chia các nhân vật đó thành mấy nhóm (thiện/ác) và dẫn vào bài

Các nhân vật được các em điểm tên, chúng ta có thể chia thành 2 tuyến nhân vật thiện/ác. Theo các em, những nhóm nhân vật có đó điểm chung là gì xét theo yếu tố về kết cục (kết thúc tác phẩm).

***🡪 GV dẫn dắt vào bài học:*** *ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau khám phá rõ hơn, chi tiết hơn về nhân vật lý tưởng (thiện) trong kết thúc truyện cổ tích thần kì nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Phần I. Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Gv gọi HS đọc trước lớp và giải thích một số từ khó qua hoạt động ĐỌC THẦM CHÚ THÍCH:** Gv cho HS 5 phút đọc chú thích trong SGK  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Em hãy trình bày những hiểu biết về tác giả và tác phẩm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi, hoàn thành nhiệm vụ học tập  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc, chú thích**  **a. Đọc**  - Đọc to, rõ ràng  **b. Chú thích**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả: Bùi Mạnh Nhị (1955- 2023), Nguyễn Tấn Phát (1944)**  Nhà nghiên cứu văn học, nhà giáo, nhà văn, tác giả, đồng tác giả của nhiều công trình nghiên cứu văn học dân gian  **b. Tác phẩm**  **- Xuất xứ:** in trong Trang sách trang đời, Bùi Mạnh Nhị, NXB Giáo dục Việt Nam, 2022.  - **Thể loại:** nghị luận văn học  **- PTBĐ**: nghị luận  **- Bố cục**  + Phần 1 (từ đầu đến… trật tự khác hẳn): mô típ nhân vật lí tưởng.  + Phần 2 (tiếp theo đến…khôi phục này): cái kết thường diễn ra cho nhân vật lí tưởng.  + Phần 3 (phần còn lại): khái quát lại đặc trưng của nhân vật lí tưởng trong kết thúc truyện. |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**Theo tác giả bài viết, kết thúc của truyện cổ tích thần kì phản ánh ước mơ gì của quần chúng nhân dân? (Những) ước mơ ấy thường được thể hiện như thế nào qua cách kết thúc của truyện cổ tích thần kì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ, trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Kết thúc của truyện cổ tích thần kì**   |  |  | | --- | --- | | **Kết thúc của truyện cổ tích thần kì** | **Biểu hiện** | | Phản ánh ước mơ của quần chúng nhân dân về một xã hội công bằng | Thể hiện bằng những cách kết thúc sau của truyện cổ tích thần kì | | + Nhân vật lí tưởng sẽ được đổi đời, có một cuộc sống hạnh phúc, nhận được sự đền đáp xứng đáng cho những nỗ lực, cố gắng của họ | + Kết hôn, lên ngôi, (làm vua/ hoàng hậu) sống hạnh phúc, cảnh vật/ cuộc sống xung quanh cũng thay đổi tươi sáng hơn, thay đổi từ hình dạng xấu xí thành xinh đẹp | | + Những kẻ thủ ác sẽ phải nhận sự trừng trị đích đáng | + Chết,… | | **🡪 Cái thiện sẽ luôn luôn chiến thắng cái ác** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV tổ chức hoạt động Tư duy văn học (thảo luận nhóm bàn)**  Bàn về kiểu nhân vật đội lốt người xấu xí, tác giả bài viết cho rằng: Đạo đức, tài năng của kiểu nhân vật đội lốt người xấu xí là động lực giúp họ khôi phục sự tương ứng hài hoà giữa cái bên trong tốt đẹp với cái bên ngoài. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Chọn ví dụ từ một truyện cổ tích thần kì đã học để làm rõ quan điểm của em  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Kiểu nhân vật đội lốt người xấu xí**  Nhân vật đột lốt xấu xí đã vượt qua những thử thách bằng chính đạo đức và tài năng của mình để khôi phục sự tương ứng hài hoà giữa cái bên trong và bên ngoài đẹp đẽ.  **Ví dụ: Nhân vật Sọ Dừa** (không chân, không tay, tròn như quả dừa, biết nói)  **Thử thách**: Sự ra đời kì lạ, nhà nghèo, sự khinh bỉ của mọi người  Đạo đức và tài năng: Chăn bò giỏi, thổi sáo hay, chăm chỉ, tốt bụng  **🡪 Kết thúc:** Chàng trai khôi ngô, tuấn tú, đỗ Trạng nguyên, sống hạnh phúc |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Cách thể hiện khát vọng công lí trong văn bản “Thuý Kiều báo ân, báo oán” có gì tương đồng và khác biệt so với cách thể hiện khát vọng này trong truyện cổ tích thần kì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **3. Điểm khác biệt trong cách thể hiện khát vọng công lí trong văn bản “Thuý Kiều báo ân, báo oán” và truyện cổ tích thần kì**  **\* Giống nhau**  Thực hiện đúng theo quan điểm của quần chúng nhân dân về công lí chính nghĩa như: ân đền, oán trả, ở hiền gặp lành, ác giả ác báo.  + Những kẻ ác: bị trừng phạt  + Những người lương thiện, làm việc tốt: được thưởng, trả ơn.  + Nhân vật chính sau chuỗi ngày đau khổ, bất hạnh đã có khoảnh khắc bước lên vị trí cao nhất với tất cả sự cao quý, trang trọng.  **\* Khác nhau: cách thức thực hiện khát vọng**  **Thuý Kiều báo ân, báo oán**  - **Nhân vật chính** (Thuý Kiều) được trao quyền đã thực thi công lí chính nghĩa  **Truyện cổ tích thần kì**  - **Nhân vật chính** được trao quyền đã thực thi công lí chính nghĩa  - **Lực lượng thần kì phù trợ** là người thưởng phạt, trao quyền thực thi công lí |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục: Sử dụng các dẫn chứng cụ thể, lí lẽ sắc bén để khẳng định luận điểm.  - Sử dụng một vài ngôn ngữ chuyên ngành, bác học.  - Bố cục rõ ràng, hợp lí, giúp người đọc dễ theo dõi  **2. Nội dung**  - Đề cập đến mô típ nhân vật, đặc điểm của nhân vật lí tưởng trong các cốt truyện cổ tích thần kì, qua đó giúp người đọc hình dung ra những đặc trưng cơ bản của một nhân vật lí tưởng.  - Thể hiện ước mơ của nhân dân về công lý, hạnh phúc |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**GV tổ chức trò chơi ONG NON HỌC VIỆC**

**1. Bản chất của những nhân vật mang lốt xấu xí là gì?**

A. Bản chất bên trong cũng như hình dáng bên ngoài đều xấu xí, nham hiểm.

B. Có sự tương thích giữa bản chất bên trong tốt đẹp và hình dáng bên ngoài xấu xí.

**C. Ban đầu không có sự tương ứng giữa bản chất bên trong tốt đẹp và hình dáng bên ngoài xấu xí.**

D. Bản chất tốt đẹp song lốt xấu xí chỉ là sự hóa thân để che đi vẻ đẹp bên trong

**2. Điều gì đã quý định cái kết thúc có hậu tươi sáng của cốt truyện cổ tích thần kì?**

A. Đặc điểm của nhân vật lí tưởng.

**B. Đặc điểm của nhân vật lí tưởng và ước mơ công lí của nhân dân.**

C. Ước mơ công lí của nhân dân.

D. Bối cảnh thời đại và ước mơ công lí của nhân dân.

**3. Điều gì khiến nhân vật lí tưởng khôi phục lại sự tương ứng giữa ngoại hình và bản chất?**

A. Điều kiện xã hội.

B. Sự đồng cảm, thương xót của nhân dân.

C. Bản lĩnh, ý chí.

**D. Đạo đức, tài năng.**

**4. Vì sao nhân vật lí tưởng luôn nhận được phần thưởng lớn khi truyện kết thúc?**

**A. Để xứng đáng với đạo đức, tài năng và những khó khăn mà nhân vật đã trải qua.**

B. Vì đó là mô-típ được quy định trong truyện cổ tích thần kì.

C. Để phù hợp với mạch truyện của truyện cổ tích thần kì.

D. Để phù hợp với tâm lí của nhân vật.

**5. Kết thúc của nhân vật mang lốt xấu xí trong truyện cổ tích thần kì là gì?**

A. Được kết hôn với một người xinh đẹp hoặc khôi ngô.

**B. Được thay hình đổi dạng, để thành cô gái đẹp tuyệt vời, chàng trai khôi ngô tuấn tú.**

C. Được thăng quan tiến chức, sống một đời vinh hoa phú quý.

D. Được ban cho phép thần thông.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**GV yêu cầu:** Thiết kế mô hình kiểu nhân vật đội lốt người xấu xí, nhưng bằng tài năng, đạo đức đã giúp họ khôi phục lại sự tương ứng hài hoà giữa cái bên trong tốt đẹp và cái bên ngoài xấu xí.

**IV.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC.**

**1.Bài vừa học:**

-Đọc lại văn bản.

-Học thuộc nội dung ghi vở.

**2.Bài sắp học**: Thực hành Tiếng Việt

-Đọc và trả lời các câu hỏi sgk/138,139

**TIẾT 61,62**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**MỘT SỐ HIỂU BIẾT SƠ GIẢN VỀ CHỮ VIẾT TIẾNG VIỆT: QUỐC NỮ, ĐIỂN TÍCH, ĐIỂN CỐ, ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG.**

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực:**

- Trình bày được một số hiểu biết sơ giản về chữ tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.

- Phân tích được đặc điểm, tác dụng của điển tích, điển cố

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

**2. Về phẩm chất:**

- Nhân ái: yêu ngôn ngữ dân tộc.

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu**

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (phiếu học tập,...)

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**GV tổ chức hoạt động THÁCH ĐỐ ĐIỂN TÍCH, ĐIỂN CỐ**

- Tổ chức theo nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 3-5 người.

**-** Mỗi nhóm sẽ lần lượt cử một thành viên lên rút thăm một thẻ ghi tên điển tích, điển cố và có 3 phút để vẽ một bức tranh minh họa điển tích, điển cố trên bảng trắng hoặc giấy vẽ, mà không được nói hay viết chữ nào liên quan đến điển tích đó.

- Sau khi bức tranh hoàn thành, các nhóm khác sẽ có 1-2 phút để thảo luận và đưa ra đáp án của mình. Nhóm nào đoán đúng sẽ ghi điểm.

- Nhóm có nhiều điểm nhất sẽ thắng và nhận phần thưởng

**Chuẩn bị:**

- Giáo viên chuẩn bị một danh sách các điển tích, điển cố (Ví dụ: nếm mật nằm gai; vườn Địa đàng; trái táo cấm; tòa tháp Ba-ben; thanh gươm Đa-mô-clét; quả táo bất hòa; gót chân A-sin; chiếc hộp của pan-đô-ra; đào viên; tái ông thất mã;………) và giấy vẽ, bút màu, bút chì hoặc cho HS vẽ trực tiếp lên bảng.

- Giáo viên chuẩn bị các **Thẻ ghi điển tích, điển cố**: Mỗi thẻ sẽ ghi tên một điển tích, điển cố khác nhau.

**Thực hiện:**

- Tổ chức theo nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 3-5 người.

**-** Mỗi nhóm sẽ lần lượt cử một thành viên lên rút thăm một thẻ ghi tên điển tích, điển cố.

**-** Thành viên đã rút thăm sẽ có 3 phút để vẽ một bức tranh minh họa điển tích, điển cố trên bảng trắng hoặc giấy vẽ, mà không được nói hay viết chữ nào liên quan đến điển tích đó.

- Sau khi bức tranh hoàn thành, các nhóm khác sẽ có 1-2 phút để thảo luận và đưa ra đáp án của mình. Nhóm nào đoán đúng sẽ ghi điểm.

**-** Lượt chơi luân phiên cho đến khi hết các thẻ đã chuẩn bị.

- Nhóm có nhiều điểm nhất sẽ thắng và nhận phần thưởng

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** Về một số yếu tố của chữ tiếng Việt có lẽ không còn xa lạ với các em đúng không nào. Nhưng với nội dung điển tích điển cố, có lẽ đây là một kiến thức khá là mới đối với các em? Điển tích, điển cố chính là một nội dung quan trọng, một đặc sắc nghệ thuật phổ biến trong thơ văn trung đại xưa. Cụ thể như thế nào, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học ngày hôm nay nhé!

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

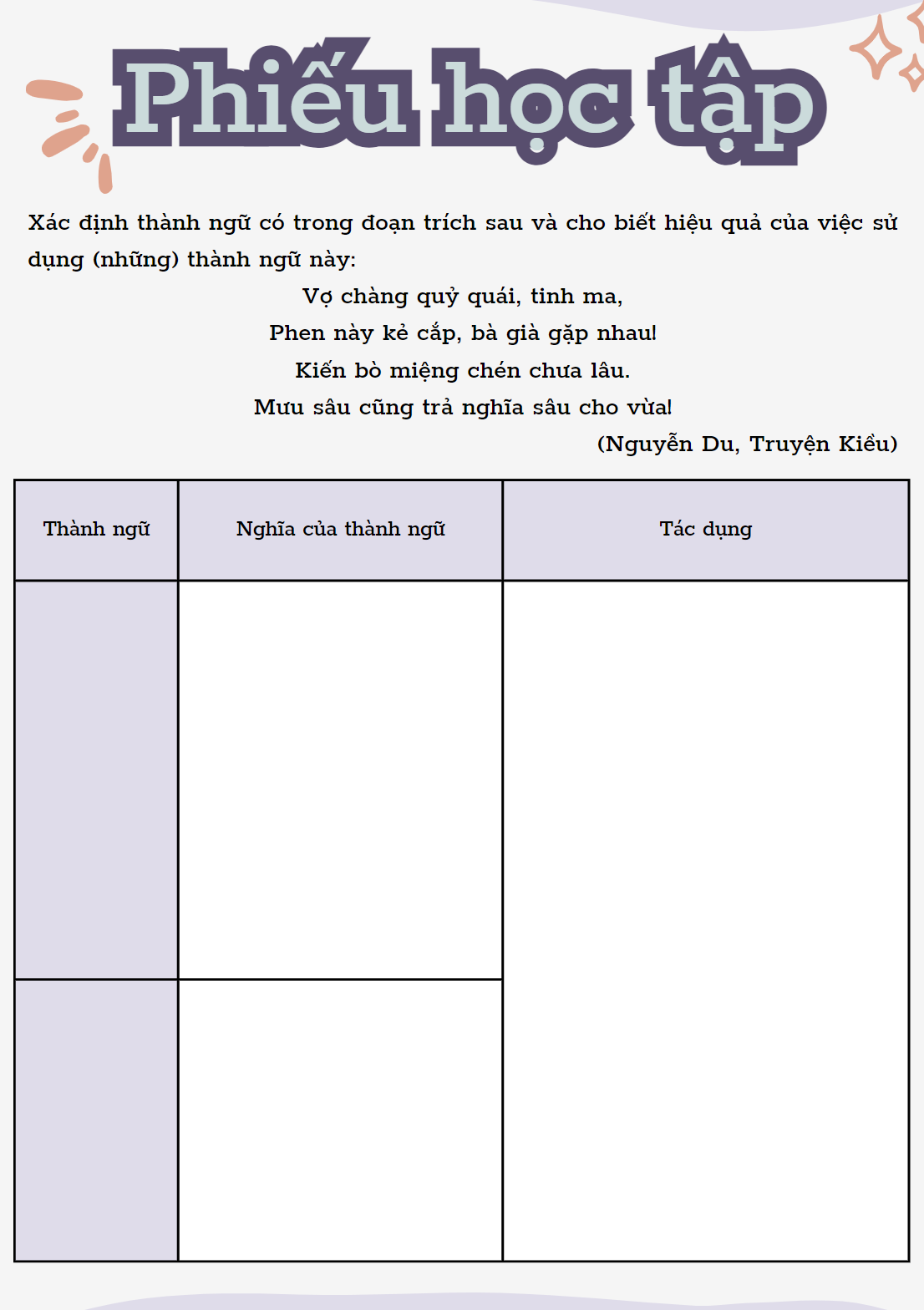
|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động nhóm (4 nhóm)**  So sánh chữ Nôm và chữ Quốc ngữ    **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Em hãy nêu khái niệm điển tích điển cố  **GV cho HS xem video về điển tích thành ngữ “Nếm mật nằm gai”**  **GV lấy ví dụ và phân tích cho HS**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Vậy qua việc phân tích các ví dụ minh hoạ, em hãy nêu tác dụng của việc sử dụng điển tích điển cố.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi, hoàn thành PHT theo nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tri thức tiếng Việt**  **1. Một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ**  **a. Giống nhau**: Đều là chữ viết được lưu truyền và tạo ra nhiều thành tựu, đóng góp quan trọng trong việc xây dựng, phát triển nền văn hoá dân tộc.  **b. Khác nhau**  **\* Hoàn cảnh ra đời**  **Chữ Nôm**  - Là hệ thống chữ viết của người Việt  - Được xây dựng dựa trên cơ sở chất liệu chữ Hán và âm đọc Hán Việt  **Chữ Quốc ngữ**  - Là hệ thống chữ viết do một số giáo sĩ phương Tây dựa bộ chữ cái La-tinh để ghi âm tiếng Việt nhằm phục vụ cho việc truyền giảng đạo Thiên Chúa.  **\* Quá trình hoàn thiện**  **Chữ Nôm**: Hình thành vào khoảng thế kỉ VIII- IX, hoàn thành và phát triển vào thế kỉ XIII.  **Chữ Quốc ngữ**: Ra đời vào đầu thế kỉ XVII, được cải tiến, hoàn thiện trong 2 thế kỉ tiếp theo.  **\* Cấu tạo**  **Chữ Nôm**  - Chữ Nôm là chữ viết cổ của tiếng Việt  - Chữ Nôm gồm một số chữ mượn y nguyên chữ Hán nhưng phần lớn là những chữ do người Việt tạo ra trên cơ sở chữ Hán  **Chữ Quốc ngữ**  - Chữ Quốc ngữ là chữ viết ghi âm của tiếng Việt  - Dựa trên hệ chữ cái La-tinh (Latin).  **\* Hạn chế**  **Chữ Nôm**  - Khó học vì phải biết chữ Hán mới học được  **Chữ Quốc ngữ**  - Dùng nhiều chữ cái khác nhau để biểu thị một âm. Ví dụ, âm /k/ được biểu thị bằng ba chữ cái c, k, q;  - Dùng một chữ cái để biểu thị nhiều âm khác nhau. Ví dụ, dùng chữ /a/ vừa để ghi âm (*ta, tai...),* vừa để ghi âm /ã/ (*cau, tay...);*  - Dùng nhiều dấu phụ (như ở các chữ *ă, â, ô, ơ...*) hoặc ghép nhiều chữ cái để biểu thị một âm (như ở các chữ *ch, kh, ng...).*  **\* Ưu điểm**  **Chữ Nôm**  - Là một thành tựu quan trọng về ngôn ngữ – văn hoá, thể hiện ý chí độc lập, tự chủ, tự cường của dân tộc.  - Được dùng làm phương tiện sáng tác văn học  + *Quốc âm thi tập* (Nguyễn Trãi)  + *Hồng Đức Quốc âm thi tập* (Lê Thánh Tông và Hội Tao Đàn)  + *Truyện Kiều* (Nguyễn Du)  + *Thơ Hồ Xuân Hương*  **Chữ Quốc ngữ**  - Đơn giản, dễ học  - Bằng chứng là trong phong trào Bình dân học vụ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 nhằm xoá nạn mù chữ, diệt “giặc dốt", nhờ chữ Quốc ngữ dễ học mà chỉ sau ba tháng, nhiều người dân thất học đã biết đọc, biết viết.  **2. Điển tích, điển cố**  **a. Khái niệm**  - **Điển tích, điển cố** được hiểu là sự việc, câu chữ trong sách xưa, được dẫn lại một cách cô đúc trong tác phẩm văn học.  - **Điển tích, điển cố** được gọi chung là **ĐIỂN**  **Ví dụ***: Vân Tiên tả đột hữu xông*  *Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dương.*  (Nguyễn Đình Chiểu, Truyện Lục Vân Tiên)  **+ ĐIỂN:** “*Triệu Tử phá vòng Đương Dương”*  + Gợi nhớ câu chuyện *Tam Quốc diễn nghĩa…..*  **+ Tác dụng:** Lục Vân Tiên hiện lên với vẻ đẹp của mẫu hình dũng tướng lí tưởng Triệu Tử Long 🡪 tô đậm đức độ và tài năng của bậc anh hùng 🡪 người đọc cảm nhận thái độ, tình cảm của tác giả  *Ví dụ: Trước sau nào thấy bóng người*  *Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.*  (Nguyễn Du, Truyện Kiều)  **+ Dẫn ý** trong bài thơ *“Đề đô thành nam trang”,* Thôi Hộ  *“Tích nhân kim nhật thử môn trung*  *Nhân diện đào hoa tương ánh hồng*  *Nhân diện bất tri hà xứ khứ*  *Đào hoa y cựu tiếu đông phong”*  **Tác dụng:**  +Dòng thơ trở nên cô đọng, hàm súc.  + Gợi tả đúng tâm trạng của Kim Trọng khi trở về tìm gặp Thuý Kiều nơi vườn cũ nhưng không thấy nàng.  **b. Tác dụng**  - Làm cho cách diễn đạt trở nên hàm súc, uyên bác, giàu sức biểu hiện.  - Gián tiếp bộc lộ thái độ, cảm xúc của tác giả  - Đem lại hứng thú cho người đọc.  **- Lưu ý:** Nếu lạm dụng điển tích, điển cố, văn bản sẽ trở nên nặng nề, khó hiểu, mòn sáo, hạn chế tính độc đáo. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập 1,3,4  **GV tổ chức hoạt động Google siêu tốc, yêu cầu hoàn thành PHT (bài 2)**    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, làm bài  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS suy nghĩ và hoàn thành bài tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 1**  **a. + Trướng hùm (hổ trướng):** dùng da hùm làm thành cái màn lớn để chủ soái họp bàn với các tướng 🡪 chỉ **chỗ làm việc** của các tướng soái  **+ Cửa viên (viên môn):** khi đánh trận dùng nhiều xe, đóng quân ở đâu thì lấy xe bao quanh làm hàng rào, châu càng xe vào nhau làm cổng ra vào 🡪 **cửa nơi làm việc** của tướng chỉ huy  **🡪 Cách diễn đạt trở nên hàm súc; gợi không khó trang trọng, uy nghiêm cho không gian phiên toà báo ân, báo oán**  **b. + Sâm, Thương:** 2 chòm sao, cách nhau gần 180 độ, không xuất hiện cùng nhau trong một bầu trời 🡪 dùng để tỉ dụ sự cách biệt không gặp nhau được  **🡪 Cách nói trang trọng mà Kiều dành cho Thúc lang 🡪** tấm lòng biết ơn, trân trọng của Kiều, đồng thời làm cho cách diễn đạt trở nên hàm súc và giàu hình ảnh  **Bài 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thành ngữ** | **Giải nghĩa** | **ĐIỂN tương ứng** | | a. *Lá thắm chỉ hồng* | Duyên số, tiền định trong tình yêu, hôn nhân. | Vu Hượu đời Đường kết duyên với nàng cung nữ mà trước đây chàng đã từng đề thơ của mình vào chiếc lá thắm đỏ thả trôi theo dòng nước gửi vào cung cấm. | | *Tái Ông thất mã* | Phúc – hoạ - may – rủi là những điều khó đoán định, khó lường trước được | Thượng Tái ông bị mất con ngựa quý, ông nói với mọi người, biết đâu đó lại là điều phúc 🡪 con ngựa quay về, mang theo ngựa khác về cùng. Ông lại nói, biết đâu đó lại là điều hoạ 🡪 con trai ông mải phi ngựa, ngã gãy chân. Ông lại nói, biết đâu đó là điều phúc 🡪 con trai không phải đi chinh chiến đấu, sống sót | | *Ngưu lang Chức nữ* | Cảnh vợ chồng phải xa nhau biền biệt, ít có điều kiện gặp nhau | Đôi vợ chồng Ngưu lang và Chức nữ, bị trời phạt, mỗi năm chỉ được gặp nhau vào 7/7 (âm lịch). |   **Bài 3**  **\* Văn bản chữ Nôm:** Đề đền Sầm Nghi Đống (Hồ Xuân Hương), Truyện Kiều (Nguyễn Du), Qua đèo Ngang (Bà huyện Thanh Quan), Bạn đến chơi nhà (Nguyễn Khuyến), Tự trào (Trần Tế Xương), Truyện Lục Vân Tiên (Nguyễn Đình Chiểu)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | a. *Trải qua một cuộc****bể dâu***  *Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*  (Nguyễn Du, Truyện Kiều) | **- Bể dâu**: điển cố, lấy ý từ Thần tiên truyện (Cát Hồng) bên Trung Quốc: “Bể rộng hoá ra nương dâu” | Chỉ sự thay đổi to lớn | | b. *Bấy lâu nghe tiếng má đào*  ***Mắt xanh****chẳng để ai vào đó không?*  (Nguyễn Du, Truyện Kiều) | **- Mắt xanh:** điển tích, lấy từ truyện xưa bên Trung Quốc: “Nguyễn Tịch đời nhà Tấn, khi tiếp khách, thấy ai là người đáng trọng thì nhìn bằng mắt xanh (mắt có tròng đen), ai là người đáng khinh thì nhìn bằng mắt trắng (mắt có tròng trắng) | Được Từ Hải dùng để ca ngợi con mắt (cách nhìn người) tinh tường, sắc sảo của Thuý Kiều |   **Bài 5**  **- Từ Hán Việt**: nghĩa, trọng, non, tòng, cố nhân, tạ, xứng, báo, ân…..  **- Tác dụng**: Làm cho lời thơ trang trọng; thể hiện thái độ trân trọng, biết ơn của Thuý Kiều khi nói về những ân tình mà Thúc Sinh đã dành cho nàng |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**GV tổ chức hoạt động THINK- PAIR- SHARE, yêu cầu HS hoàn thành PHT (bài 4)**

****

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành ngữ** | **Nghĩa của thành ngữ** | **Tác dụng** |
| *Kẻ cắp bà già gặp nhau* | + Kẻ tinh ranh, quỷ quyệt lại gặp phải đối thủ mưu sâu, dạn dày kinh nghiệm hơn.  + Trong đoạn trích chỉ sự đối đầu tương xứng giữa Hoạn Thư và Thuý Kiều. | + Được sử dụng trong lời của nhân vật Thuý Kiều  + Miêu tả chính xác nội dung Kiều muốn đề cập  + Thúc Sinh hiểu rõ thái độ, dự định và sự quyết liệt của Thuý Kiều về việc trả thù Hoạn Thư  + Cách diễn đạt trở nên hàm súc, biểu cảm, giàu hình ảnh |
| *Kiến bò miệng chén* | + Không còn lối thoát  + Trong đoạn trích: tình cảnh khốn khổ, không có lối thoát của Thuý Kiều dưới sự hành hạ của Hoạn Thư. |

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC.**

**1.Bài vừa học:**

-Đọc lại văn bản.

-Học thuộc nội dung ghi vở.

**2.Bài sắp học**: Tiếng đàn giải oan

-Đọc và trả lời các câu hỏi sgk/139,140…

**Tiết 63: ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**TIẾNG ĐÀN GIẢI OAN**

*Truyện thơ Nôm khuyết danh*

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

- Nêu được nội dung bao quát của Vb, bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của vb, phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

**2. Về phẩm chất:** Thấu hiểu và đồng cảm với khát vọng về công lí của con người

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu:** Phiếu học tập, trò chơi

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**Cách 1. GV tổ chức hoạt động ĐÂY LÀ AI?**

**1. Ngựa ai phun lửa đầy đồng?**

Đáp án: Thánh Gióng

**2. Ai sinh trăm trứng đồng bào?**

Đáp án: Âu Cơ

**3. Chàng trai mồ côi, được thần tiên giúp đỡ, sở hữu cây đàn thần, cung vàng, niêu cơm thần và nhiều phép thuật, là ai?**

Đáp án: Thạch Sanh

**4. Vua nước, oai phong, sức mạnh vô địch, gọi gió, gió đến, hô mưa, mưa về là ai?"**

Đáp án: Thủy Tinh

**5. Ai người tài giỏi, điều khiển núi non, mang voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao để cưới Mị Nương??**

Đáp án: Sơn Tinh

**Cách 2: GV tổ chức hoạt động Kí ức Thạch Sanh:** Tóm tắt lại cốt truyện truyện Thạch Sanh. Cốt truyện ấy đã thể hiện đặc điểm chung nào của cốt truyện truyện thơ Nôm?

- Ngày xưa có đôi vợ chồng nghèo tuy đã lớn tuổi nhưng vẫn chưa có con. Thương họ hiền lành, lương thiện Ngọc Hoàng bèn sai thái tử xuống làm con. Thạch Sanh sinh ra không được bao lâu thì cha mẹ mất, chàng sống trong túp lều cũ kĩ.

- Một lần tình cờ gặp Lí Thông và được hẳn rủ về sống chung.

- Để thoát nạn làm vật hiến tế cho Chăn tinh, Lí Thông đã lừa Thạch Sanh đi thế thân cho mình. Thạch Sanh giết chết chằn tinh nhưng bị Lí Thông cướp công.

- Gặp đại bàng bắt công chúa, Thạch Sanh dùng cung tên bắn đại bàng, cứu được công chúa nhưng lại bị Lí Thông hãm hại, cướp công.

- Trong động đại bàng, Thạch Sanh cứu con trai vua thủy tề và được tặng chiếc đàn thần.

- Hồn của chằn tin và đại bằng hiện lên báo thù khiến Thạch Sanh bị nhốt vào ngục.

- Từ khi công chúa trở về, nàng không nói, không cười. Chỉ khi nghe tiếng đàn của Thạch Sanh, công chúa bỗng cười nói vui vẻ, kể rõ sự tình cho nhà vua. Hiểu ra sự việc vua không giết mẹ con Lí Thông nhưng trên đường về nhà, chúng bị sét đánh và hóa thành bọ hung.

- Thạch Sanh lấy công chúa. Thấy vậy các nước chư hầu tức giận đem quân sang đánh. Trước sự tấn công 18 nước chư hầu, Thạch Sanh đã dùng niêu cơm thần để chiến thắng giặc và được nhường ngôi vua.

***🡪 GV dẫn dắt vào bài học:*** *Chúng ta đã từng biết đến Thạch Sanh qua câu chuyện bà kể, qua bài học trên trang sách và gặp gỡ những nhân vật “Thạch Sanh” ngay ngoài đời thực đúng không nào? Trong văn học, chúng ta đã biết nỗi oan Thạch Sanh bắt nguồn từ đâu chưa nhỉ? Ngày hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu một văn bản có tên “Tiếng đàn giải oan” để làm rõ ơn oan khuất và tìm hiểu xem đối tượng giải oan cho chàng là ai nhé.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Phần I. Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Gv gọi HS đọc trước lớp và đánh giá bài đọc qua bảng kiểm**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Đ** | **CĐ** | | Đọc to, rõ, trôi chảy |  |  | | Ngắt nhịp hợp lí |  |  | | Tốc độ phù hợp |  |  | | Lựa chọn được giọng đọc phù hợp với tính cách nhân vật thể hiện trong văn bản |  |  |   **GV hướng dẫn HS giải nghĩa chú thích qua hoạt động ĐỌC THẦM CHÚ THÍCH:** Gv cho HS 5 phút đọc chú thích trong SGK  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Em hãy trình bày những hiểu biết về tác phẩm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi, hoàn thành nhiệm vụ học tập  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc, chú thích**  **a. Đọc**  - Đọc to, rõ ràng  **b. Chú thích**  **2. Tìm hiểu chung**  **- Xuất xứ:** in trong Tổng tập Văn học Việt Nam, tập 10, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, NXB Khoa học Xã hội, 2000  - **Thể loại:** truyện thơ Nôm  **- PTBĐ**: biểu cảm  **- Bố cục**  + Phần 1 (từ đầu đến…thực người): Thạch Sanh đem đàn ra gẩy.  + Phần 2 (biết ăn quả…phùng xuân): Tiếng đàn của chàng như ai oán, như than, như vạch tội Lý Thông ăn ở bất nhân, phụ nghĩa và trách nàng công chúa không giữ lời ước hẹn.  + Phần 3 (đoạn còn lại): Công chúa Quỳnh Hoa nghe thấy, khỏi bệnh và bày tỏ nỗi oan khuất với nhà vua. |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  **+** Hãy tóm tắt các sự kiện được kể trong văn bản.  + Liệt kê các nhân vật và xác định nhân vật chính trong văn bản. Nhân vật chính là người như thế nào? Từ đó nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật trong truyện thơ.  + Cây đàn của Thạch Sanh có đặc điểm gì? Đó có phải là một nhân vật hay không? Vì sao?  **GV áp dụng kĩ thuật KHĂN TRẢI BÀN, yêu cầu hoàn thành PHT (3 nhóm)**    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ, trả lời câu hỏi, chia nhóm và hoàn thành PHT  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Một số yếu tố của truyện thơ Nôm**  **a. Sự kiện**  **\* Các sự kiện:**  - Thạch Sanh bị nhốt vào ngục, hỏi thăm mới biết Lý Thông là người hại mình nhưng cũng không oán hờn, phàn nàn.  - Thạch Sanh gảy đàn, tiếng đàn đã nói hộ những oan tình của chàng, trách người bạc ác, phũ phàng.  - Công chúa nghe tiếng đàn thì hết câm, kể lại cho vua cha mọi việc và xin vua cha cho gặp người gảy đàn.  **b. Nhân vật**  - Thạch Sanh  🡪 Nhân vật chính  - Lính gác ngục, nhà vua, công chúa, Lý Thông, cây đàn.  **\* Nhân vật Thạch Sanh**  **- Tính cách**: hiền lành, tốt bụng, rộng lượng, không phàn nàn.  + Biết Lý Thông hại mình nhưng cũng không oán thán, kêu ca.  + Tác giả đã khéo mượn tiếng đàn để nói hộ Thạch Sanh những oan khuất của chàng.  **- Hành động:**  + Gảy đàn  + Bỏ qua cho những sai lầm của Lý Thông  **🡺 Nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo**  **\* Cây đàn – Nhân vật kì ảo**  - Không phải là một cây đàn bình thường mà là cây đàn biết nói lên sự thật.  -Được xây dựng như một nhân vật để nói hộ những oan khuất của Thạch Sanh Thông  **🡪 Cây đàn rất đặc biệt**  - Những điều tiếng đàn nói giúp Thạch Sanh: Tiếng đàn giúp giải oan cho Thạch Sanh  - Tác động của tiếng đàn đến nhân vật khác: **Công chúa Quỳnh Nga**  + Giúp nàng đang rầu rĩ, bị câm bỗng nhiên cười cười, nói nói  + Kể lại hết các chuyện đã xảy ra cho vua cha.  - So sánh tiếng đàn trong đoạn trích với tiếng đàn trong truyện cổ tích “Thạch Sanh”  **+ Tương đồng:** cả hai đều kể việc tiếng đàn thần biết nói giúp nỗi oan tình của Thạch Sanh, giúp công chúa hồi tỉnh, hết bị câm.  **+ Khác biệt:** truyện thơ *Thạch Sanh* được kể bằng thơ 🡪 giàu nhạc điệu, hình ảnh; miêu tả tiếng đàn một cách rõ nét, đậm chất trữ tình hơn.  🡪 Là nhân vật đại diện cho cái thiện, lẽ phải, công lí  🡪 Mơ ước của nhân dân về hạnh phúc, công lí |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  + Xác định chủ đề của văn bản và chỉ ra một số căn cứ giúp em xác định được chủ đề.  + Nêu nội dung bao quát của văn bản. Thông qua văn bản, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Chủ đề, nội dung bao quát và thông điệp của văn bản**  **\* Chủ đề văn bản**: Người ở hiền thì sẽ gặp lành  **- Căn cứ xác định chủ đề**: Dựa vào các chi tiết trong VB.  + Thạch Sanh không oán hờn phàn nàn khi biết Lý Thông hại mình.  + Tiếng đàn thần đã nói hộ nỗi oan của chàng, trách kẻ ăn ở bất nhân.  **\* Nội dung bao quát và thông điệp văn bản**  **- Nội dung bao quát của văn bản**: Thạch Sanh bị Lý Thông lừa giam vào ngục. Dù chàng đã biết Lý Thông hại mình nhưng với bản tính nhân từ, Sanh không oán thán, phàn nàn. Chàng buồn nên mang đàn ra gảy nhưng tiếng đàn thần đã nói hộ những oan tình của Thạch Sanh. Khi nghe tiếng đàn, công chúa vui mừng và hết bị á khẩu. Nàng giãi bày mọi sự cho vua cha và vua cha truyền gọi Thạch Sanh ngay.  **- Thông điệp văn bản**: **Hãy tin vào lẽ phải**: kẻ gian dối, bất nhân, bất nghĩa sẽ bị trừng trị, người ngay thẳng, thật thà, quên mình làm việc nghĩa sẽ được báo đáp. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng yếu tố kì ảo, từ ngữ miêu tả sinh động, lôi cuốn.  **2. Nội dung**  Đoạn trích trên, mượn hình ảnh cây đàn thần, vạch tội kẻ xấu, kẻ bất nhân. Qua đó thể hiện ước mơ và niềm tin của nhân dân ta về đạo đức, công lí xã hội, lí tưởng nhân đạo, lòng yêu chuộng hoà bình, ước mơ và chân lí về sự chiến thắng của cái thiện đối với cái ác. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**GV tổ chức trò chơi VÒNG QUAY VĂN HỌC**

**1. Truyện thơ Nôm *Thạch Sanh*được triển khai theo mô hình nào?**

**A. Nhân – quả**

B. Gặp gỡ - đoàn tụ - lưu lạc.

C. Gặp gỡ - tai biến – đoàn tụ.

D. Gặp gỡ - tai biến – đoàn tụ và nhân – quả.

**2. Truyện thơ Nôm *Thạch Sanh*dựa theo nguyên mẫu của tác phẩm nào?**

A. Truyền thuyết Thạch Sanh.

**B. Truyện cổ tích Thạch Sanh.**

C. Tiểu thuyết Thạch Sanh.

D. Truyện truyền kì Thạch Sanh

**3. Nhân vật chính trong truyện thơ Nôm *Thạch Sanh*là ai?**

A. Chằn tinh và đại bàng.

B. Công chúa Quỳnh Nga.

C. Lý Thông.

**D. Thạch Sanh.**

**4. Nhân vật nào trong “Tiếng đàn giải oan” đã nói hộ những oan khuất của Thạch Sanh.**

A. Nhà vua

B. Công chúa

**C. Cây đàn**

D. Quốc tế quận công

**5. Đoạn trích sau là lời của nhân vật nào?**

Rằng: “Từ phải nạn đến nay,

Làm sao con cứ chẳng hay nói mà?

Làm cho chua xót lòng cha,

Cầu trời khấn Phật, kể đà hết hơi.”

A. Thạch Sanh

**B. Nhà vua**

C. Công chúa

D. Người dẫn chuyện

**6. Qua văn bản *Tiếng đàn giải oan*, ta có thể nhận thấy Lý Thông là một con người như thế nào?**

**A. Gian trá, nham hiểm, cạn tàu ráo máng, ích kỷ hại nhân.**

B. Ham sống sợ chết, hèn nhát, luôn chối bỏ trách nhiệm.

C. Bội bạc, bội tín.

D. Yếu đuối, đáng thương, là một kẻ cô độc không nơi nương tựa.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**GV tổ chức hoạt động THÁCH ĐẤU:** Em hãy sưu tầm những tấm gương anh hùng trong xã hội hiện đại.

+ GV gọi từng cặp HS tham gia trò chơi

+ Lần lượt mỗi HS có 5 giây để đưa ra đáp án

+ Nếu không đưa ra được đáp án sẽ chịu hình phạt của GV

**IV.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC.**

**1.Bài vừa học:**

-Đọc lại văn bản.

-Học thuộc nội dung ghi vở.

**2.Bài sắp học**: **Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học**

-Đọc và trả lời các câu hỏi sgk/142,143…

**Tiết:64,65**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực:**

- Viết được một bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: nêu được nội dung chủ đềm những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

**2. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu**

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (bảng kiểm…)

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**GV tổ chức trò chơi TƯỚI HOA**

**1. Theo em, viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học thuộc kiểu bài nào?**

**🡪** Nghị luận văn học

**2. Khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, người viết dùng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ điều gì?**

**🡪** Làm sáng tỏ chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.

**3. Khi triển khai viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, cần đảm bảo bố cục mấy phần?**

**🡪** 3 phần

**4. Đối với kiểu bài nghị luận phân tích về một tác phẩm văn học, chúng ta sẽ triển khai những nội dung nào ở phần mở bài?**

**🡪** Giới thiệu về tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

**5. Khi viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, ở phần thân bài, chúng ta lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm, đúng hay sai?**

**🡪** Đúng

**6. Khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chúng ta cần chú ý yêu cầu gì về mặt hình thức?**

**🡪 Về hình thức**: lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy từ tác phẩm, diễn đạt mạch lạc, sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận của văn bản.

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *vừa rồi là một trò chơi nhỏ để kiểm tra kiến thức của các em. Ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau ôn lại kiểu bài này nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Phần I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài (đã ôn lại qua phần trò chơi khởi động)**

**Phần II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động CHIẾC BÚT THẦN KÌ**  - HS đọc cá nhân phần câu hỏi trong sgk trang 145 và suy nghĩ câu trả lời trong thời gian 5 phút  - Tham gia trò chơi: chiếc bút sẽ được chuyền ngẫu nhiên theo tín hiệu của 1 bản nhạc, nhạc dừng ở đâu, chiếc bút đang ở vị trí của bạn nào thì bạn đó chọn 1 câu hỏi và trả lời câu hỏi đó trong thời gian 2 phút. Cứ thế tiếp tục cho tới khi hoàn thành hết 6 câu hỏi. Ai nêu được thì có điểm thưởng, không nêu được phải thực hiện thử thách mà GV đưa ra  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS tham gia hoạt động, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Hướng dẫn phân tích kiểu bài**  **Câu 1.** Tìm các câu văn thể hiện luận điểm của bài viết.  **Các câu văn thể hiện luận điểm của bài viết:**  *+ Về hình thức nghệ thuật, nét độc đáo đầu tiên làm nên sức hấp dẫn của đoạn trích chính là nghệ thuật miêu tả nhân vật*;  *+ Hình thức nghệ thuật của đoạn trích còn hấp dẫn người đọc ở sự kết hợp tài tình giữa yếu tố tự sự và trữ tình*;  *+ Bên cạnh đó, đoạn trích còn thể hiện chủ đề tiêu biểu cho giá trị nội dung của Truyện Kiều: bức tranh hiện thực của một xã hội tha hoá vì đồng tiền và tấm lòng nhân đạo sâu sắc của tác giả*.  **Câu 2.** Bài viết đã phân tích những nét đặc sắc nào về nghệ thuật của đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều*?  Bài viết đã phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều*:  + Nghệ thuật miêu tả nhân vật  + Sự kết hợp tài tình yếu tố tự sự và trữ tình.  **Câu 3.** Nội dung chủ đề của đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều* được phân tích qua những phương diện nào? Cần chú ý điều gì khi phân tích chủ đề của một truyện thơ?  **- Nội dung chủ đề của đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều* được làm rõ qua những phương diện:** các sự việc chính được kể, chân dung các nhân vật, cách sử dụng ngôn ngữ kể chuyện.  **- Một số điểm cần chú ý khi phân tích chủ đề của một truyện thơ:**  + Xác định chủ đề chính của truyện thơ.  + Chủ đề có thể được biểu hiện qua những phương diện hình thức mang đặc trưng của thể loại truyện thơ: cốt truyện, tính chất các sự việc được kể, cách xây dựng nhân vật của truyện thơ, lời của người kể chuyện và lời nhân vật (gồm đối thoại, độc thoại),…  **Câu 4.** Các đoạn văn trong bài viết thường được viết theo kiểu đoạn văn gì? Trình bày tác dụng của cách viết đó.  - Các đoạn văn trong bài viết thường được viết theo kiểu: **diễn dịch**.  **- Tác dụng:**  + Giúp người đọc dễ dàng tiếp nhận nội dung chính của đoạn.  + Giúp người viết triển khai các câu còn lại hướng đến làm rõ câu chủ đề và kiểm soát được mối quan hệ giữa các câu chủ đề với luận đề của bài viết; nhờ đó tránh được việc lạc đề; lan man, xa đề,…  **Câu 5.** Xác định các phương tiện và phép liên kết được sử dụng trong bài viết và nêu tác dụng của chúng.  - Một số phép liên kết được sử dụng trong bài viết với những phương tiện tương ứng như: phép nối, phép lặp, phép thế, phép liên tưởng,…  - **Tác dụng**: tạo sự liên kết chặt chẽ, mạch lạc cho bài viết.  **Câu 6.** Từ bài văn trên, em rút ra điều gì cần lưu ý khi phân tích đoạn trích của một truyện thơ?  Cần chú ý đến việc tìm hiểu vị trí của đoạn trích trong toàn bộ VB truyện thơ; một số hiểu biết cơ bản về truyện thơ chứa đoạn trích,… |

**Phần III. Hướng dẫn quy trình viết**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Đề bài:**Viết bài giới thiệu về Vẻ đẹp của truyện thơ Việt Nam là một trong số những hoạt động mà Câu lạc bộ Văn học trường em tổ chức nhằm khuyến khích học sinh tìm hiểu truyện thơ dân tộc. Để hưởng ứng hoạt động ấy, em hãy chọn một đoạn trích trong một truyện thơ mà mình yêu thích để viết bài phân tích và gửi cho câu lạc bộ.  **GV hướng dẫn HS từng bước tìm hiểu quy trình viết**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **III. Hướng dẫn quy trình viết**  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  **\* Trước khi viết, cần trả lời những câu hỏi sau:**  - Đề tài của bài viết này là gì?  - Thực hiện bài viết này nhằm mục đích gì?  - Người đọc bài viết có thể là ai? Họ mong đợi điều gì từ bài viết của em?  - Lựa chọn cách viết như thế nào cho phù hợp với mục đích và đối tượng người đọc?  - Xác định (những) cách thu thập tư liệu cho bài viết. Chú ý tính chính xác, đáng tin cậy của tư liệu và ghi chép nguồn tư liệu.  **\* Chuẩn bị tư liệu theo mẫu phiếu sau:**    **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  **\* Hãy tìm ý cho bài viết bằng cách trả lời những câu hỏi sau:**  - Mối quan hệ giữa đoạn trích với tổng thể tác phẩm truyện thơ có liên quan, đặc trưng thể loại của truyện thơ  - Chủ đề chính của tác phẩm là gì? Chủ đề ấy được thể hiện như thế nào trong tác phẩm (qua nhân vật, lời thoại, cốt truyện,…) và gợi ra thông điệp, suy nghĩ, tình cảm gì ở người đọc?  - Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm thể hiện ở những phương diện nào? Những nét đặc sắc về nghệ thuật biểu hiện như thế nào trong tác phẩm? (với văn bản thơ: chú ý vần, nhịp, hình ảnh thơ, từ ngữ, biện pháp tu từ,…; với văn bản truyện: chú ý cốt truyện, nhân vật, lời thoại, chi tiết nghệ thuật,…).  **Lập dàn ý**  **+ Mở bài**: giới thiệu về tác phẩm văn học/mối quan hệ giữa đoạn trích với tổng thể tác phẩm truyện thơ (tên tác phẩm, tác giả), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  **+ Thân bài**: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.  **+ Kết bài:** khẳng định lại ý kiến về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm.  **Bước 3: Viết bài**  **Từ dàn ý, em viết bài văn hoàn chỉnh. Khi viết cần chú ý:**  - Kết hợp nêu luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.  - Tách đoạn hợp lí và sử dụng các phương tiện liên kết để liên kết luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.  - Sử dụng một số cách viết để mở bài và kết bài hấp dẫn như: trích những đoạn thơ cùng chủ đề với tác phẩm cần phân tích, trích dẫn danh ngôn, nhận định về tác giả, tác phẩm,…  - Trong một số trường hợp, em có thể trao đổi với các ý kiến trái chiều về tác phẩm để làm cho nội dung bài viết thêm phong phú.  **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  1. Điều em thích nhất và điều em muốn điều chỉnh ở bài viết này là gì?  2. Từ bài viết này, em rút thêm được kinh nghiệm gì về việc viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học*?* |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**GV tổ chức hoạt động 60 giây thử thách:** Hãy nêu những điểm giống và khác trong quy trình viết bài văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học ở bài học này với quy trình viết được đề cập ở bài 2

- Giống: thực hiện đầy đủ tất cả các bước của quy trình viết bài văn nghị luận phân tích tác phẩm văn học đã được đề cập ở bài 2.

- Khác: vì tác phẩm văn học được đưa ra nghị luận, phân tích ở bài học này có thể là đoạn trích của một truyện thơ nên ở bước *thu thập tư liệu* (*Chuẩn bị trước khi viết*) và *tìm ý, lập dàn ý* cần chú ý đến những vấn đề như: mối quan hệ giữa đoạn trích với tổng thể tác phẩm truyện thơ có liên quan, đặc trưng thể loại của truyện thơ.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**1. Gv yêu cầu HS: Lập dàn ý cho đề bài sau:** Giới thiệu về Vẻ đẹp của truyện thơ Việt Nam là một trong số những hoạt động mà Câu lạc bộ Văn học trường em tổ chức nhằm khuyến khích học sinh tìm hiểu truyện thơ dân tộc. Để hưởng ứng hoạt động ấy, em hãy chọn một đoạn trích trong một truyện thơ mà mình yêu thích để viết bài phân tích và gửi cho câu lạc bộ.

**2. GV hướng dẫn HS đánh giá bài viết dựa trên mẫu phiếu đã học**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC.**

**1.Bài vừa học:**

-Đọc lại văn bản.

-Học thuộc nội dung ghi vở.

**2.Bài sắp học**: Thực hiện một cuộc phỏng vấn

-Đọc và trả lời các câu hỏi sgk/146,147

**Tiết 66: NÓI VÀ NGHE**

**THỰC HIỆN MỘT CUỘC PHỎNG VẤN**

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực**

- Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra

**2. Về phẩm chất**

- Kỉ luật, biết lắng nghe

- Chăm chỉ: chăm học, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

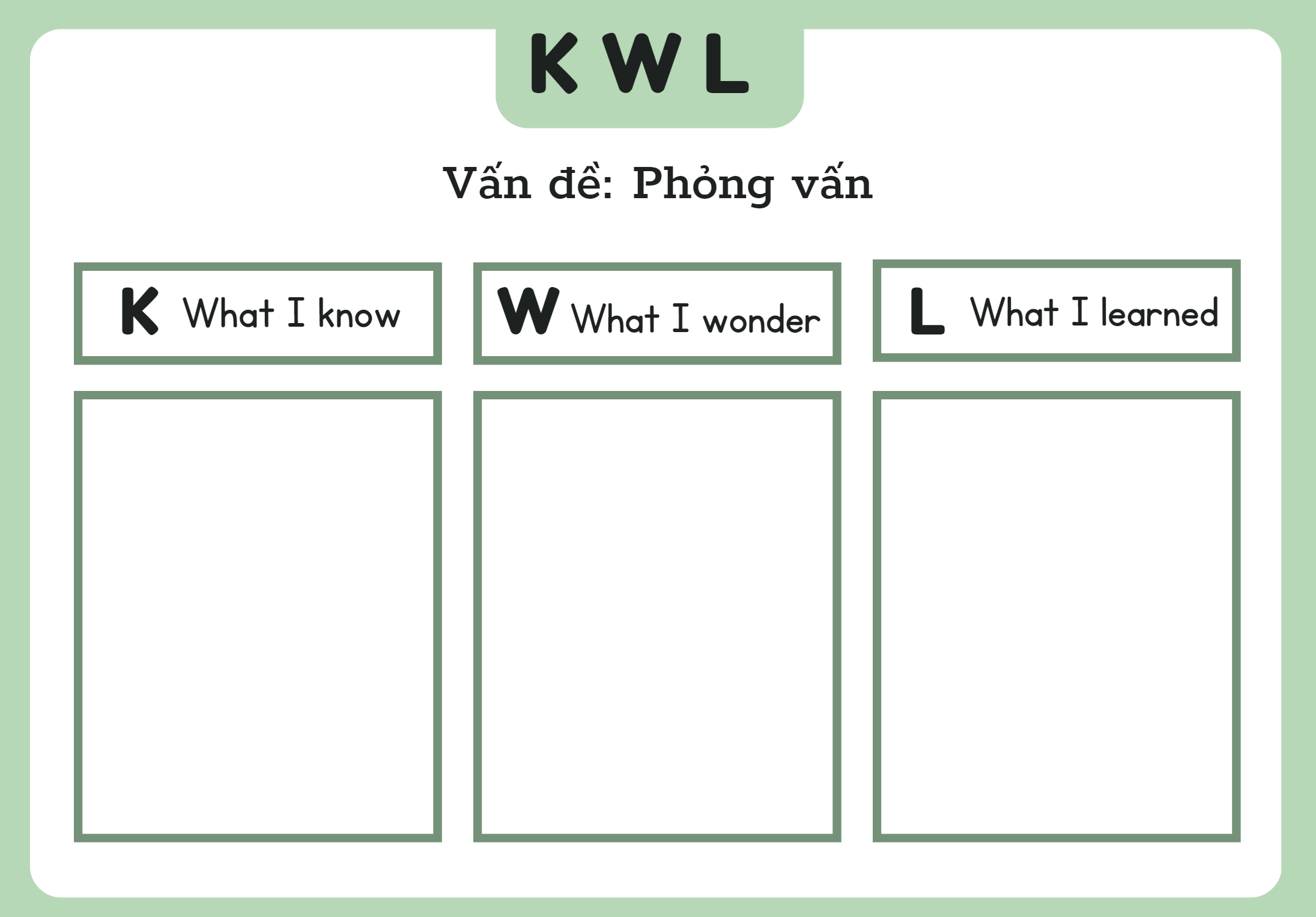
**2. Học liệu**

- Một số hình ảnh, phiếu kiểm liên quan đến nội dung bài học.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**GV áp dụng kĩ thuật KWL – phỏng vấn**

****

*-* ***GV dẫn vào bài học…*** *Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn là một kĩ năng rất quan trọng trong thời buổi đất nước ngày càng phát triển như hiện nay. Nó như một công cụ để đánh giá khả năng, kiến thức, trí tuệ của chúng ta. Buổi học ngày hôm nay sẽ trang bị cho chúng ta đầy đủ kiến thức đó. Cô mời cả lớp vào bài học.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Đề bài:** Em hãy đóng vai phóng viên trang thông tin của trường để phỏng vấn một bạn học sinh vượt khó, học giỏi trong trường  **GV hướng dẫn HS từng bước thực hiện**  **GV gợi ý cho HS qua hoạt động SỔ TAY PHỎNG VẤN HIỆU QUẢ**   |  |  | | --- | --- | | **Người phỏng vấn** | **Người được phỏng vấn** | | - Chuẩn bị phần mở đầu và phần kết hấp dẫn.  - Đặt câu hỏi đúng trọng tâm, ngắn gọn, rõ ràng.  - Lắng nghe kĩ đáp án, ghi chép đầy đủ, chính xác, trung thực nội dung câu trả lời của người được phỏng vấn (nếu không dùng thiết bị ghi âm).  - Tác phong, thái độ, ngôn ngữ nhã nhặn, lịch sự, phù hợp (có thể sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ) | - Trả lời đầy đủ, chính xác, sáng rõ câu hỏi  - Khẳng định trực tiếp, rõ ràng, ý kiến của bản thân : “Theo quan điểm của tôi…”, “Theo tôi…”, “Tôi nghĩ rằng…”  - Tác phong, thái độ tự tin, vui vẻ, lịch sự (có thể sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ)  **- Có quyền giữ im lặng, từ chối không trả lời câu hỏi** (nếu câu hỏi đi quá giới hạn, không phù hợp) |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tiếp nhận vấn đề  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, lắng nghe sự gợi dẫn của GV  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **Quy trình thực hiện**  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi phỏng vấn**  Trước khi tiến hành cuộc phỏng vấn, em cần xác định:  - Mục đích của cuộc phỏng vấn là gì?  - Người được phóng vấn là ai?  - Nội dung phỏng vấn gồm những câu hỏi nào?  - Phỏng vấn bằng cách gặp mặt trực tiếp, trực tuyến hay gửi câu hỏi và nhận câu trả lời qua thư điện tử?  - Dùng phương tiện gì để ghi lại câu trả lời của người được phỏng vấn?  **Bước 2: Tiến hành phỏng vấn**  **- Mở đầu:** chào hỏi, giới thiệu về người phóng vấn (tên, phóng viên trang thông tin của trường,...) và người được phỏng vấn, giới thiệu khái quát mục đích và nội dung của cuộc phỏng vấn.  **- Phần chính:**  + Lần lượt thực hiên nôi dung nhỏng vấn theo các câu hỏi đã chuẩn bị.  + Ghi chép nội dung trả lời của người được phỏng vấn theo từng câu hỏi.  **- Kết thúc**: cảm ơn và chúc sức khoẻ người được phỏng vấn.  **Bước 3: Sau khi phỏng vấn**  - **Đọc lại nội dung** đã ghi chép hoặc nghe và ghi lại nội dung đã ghi âm thành văn bản bằng các phần mềm chuyên dụng Gboa (board), La-ban Ki (LabanKey,..); có thể trao đổi lại với người được phóng vấn về những nội dung chưa hiểu rõ.  - **Biên tập nội dung phỏng vấn**: lược bớt những trả lời dài dòng, không làm rõ câu trả lời (lưu ý đảm bảo thế hiện nội dung chính của câu trả lời); trích dẫn nguyên văn một số phần trả lời của người được phỏng vấn để bài phỏng vấn thêm sinh động và tăng độ tin cậy.  **Bảng kiểm kĩ năng phỏng vấn** |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

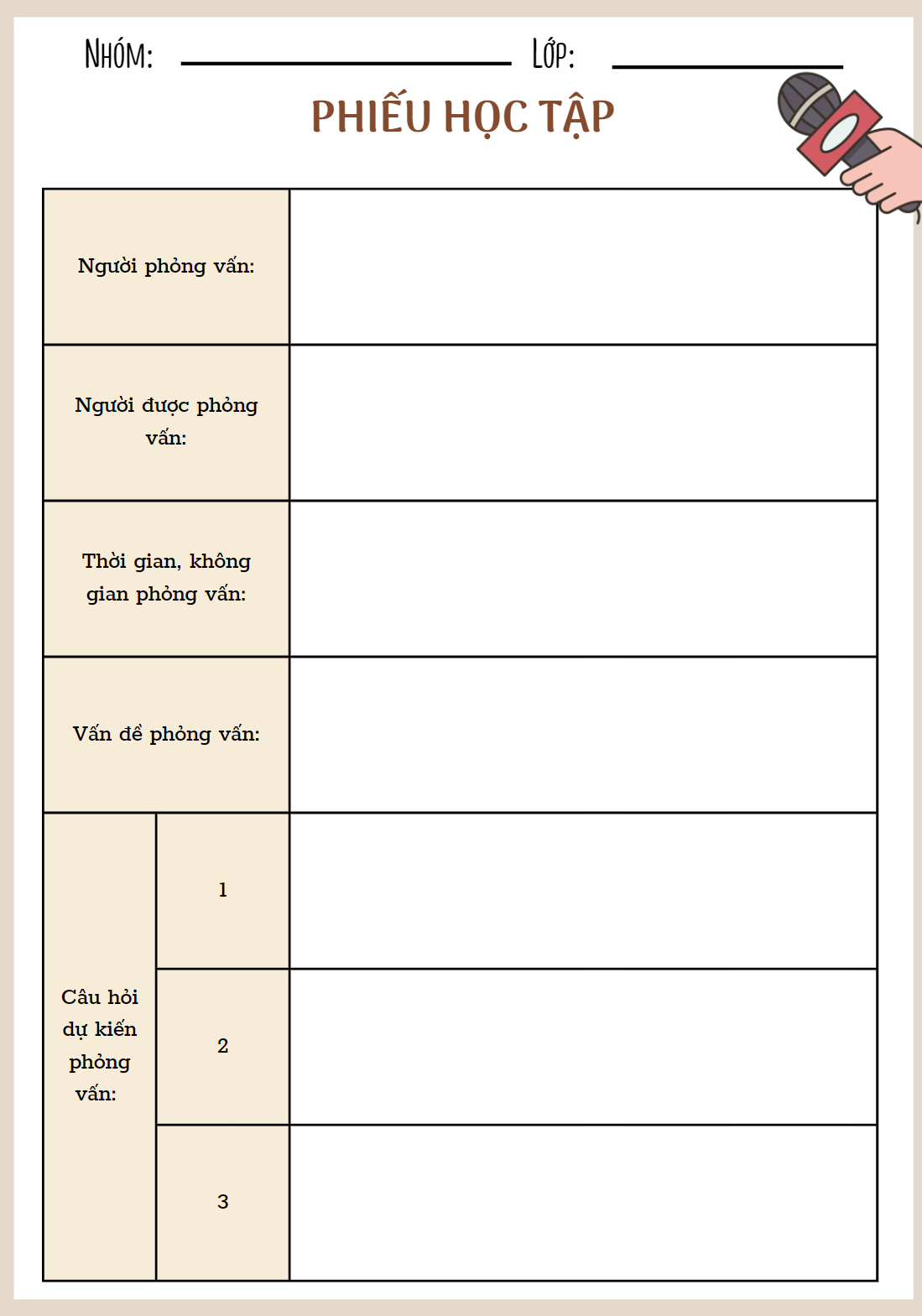
**GV tổ chức hoạt động EM LÀ PHÓNG VIÊN**

**Chọn 1 trong các đề bài sau và hoàn thành PHT**

(1) Em hãy đóng vai phóng viên trang thông tin của trường để phỏng vấn một bạn học sinh vượt khó, học giỏi trong trường.

(2) Lớp chuẩn bị tổ chức đi tham quan Vịnh Hạ Long, hãy phỏng vấn ngắn thầy giáo (cô giáo) chủ nhiệm hoặc một bạn học sinh trong lớp trước buổi đi tham quan này.

(3) Hãy đóng vai phóng viên về trường để phóng vấn nhanh một bạn học sinh về vấn đề tình yêu học đường.



**(1)** Em hãy đóng vai phóng viên trang thông tin của trường để phỏng vấn một bạn học sinh vượt khó, học giỏi trong trường.

**Phóng viên:** Xin chào bạn, chúng ta hãy bắt đầu bằng việc giới thiệu về bản thân. Bạn có thể cho chúng tôi biết tên và lớp học của mình được không?

**Học sinh:** Chào bạn, tôi là [tên học sinh] và hiện đang học lớp [lớp học]. Rất vui được tham gia cuộc phỏng vấn này.

**Phóng viên:** Rất vui được gặp bạn. Bạn có thể chia sẻ với chúng tôi về những khó khăn mà bạn đã gặp phải trong quá trình học tập không?

**Học sinh:** Tất nhiên. Trước đây, tôi đã gặp nhiều khó khăn trong việc hiểu và nắm bắt kiến thức. Đôi khi, tôi cảm thấy mất tự tin và không biết làm thế nào để cải thiện. Nhưng tôi đã quyết tâm không bỏ cuộc và luôn cố gắng hết mình.

**Phóng viên**: Thật tuyệt vời! Bạn đã có những phương pháp nào để vượt qua những khó khăn đó và đạt được thành tích học tập ưu tú như hiện tại?

**Học sinh:** Để vượt qua khó khăn, tôi đã tìm kiếm sự giúp đỡ từ giáo viên và bạn bè. Tôi luôn học hỏi từ những người giỏi hơn mình và không ngại hỏi thêm khi không hiểu. Ngoài ra, tôi cũng đã xây dựng lịch học tập rõ ràng và tuân thủ nghiêm ngặt để tận dụng thời gian một cách hiệu quả.

**Phóng viên:** Đó là những cách rất tốt để vượt qua khó khăn. Bạn đã đạt được những thành tích nào trong quá trình học tập của mình?

**Học sinh:**Tôi đã đạt được nhiều giải thưởng học tập trong các kỳ thi quốc gia và cấp trường. Điều đó đã khích lệ tôi tiếp tục cố gắng và phấn đấu hơn nữa.

**Phóng viên:** Rất ấn tượng! Cuối cùng, bạn có những lời khuyên gì dành cho những bạn học sinh khác đang gặp khó khăn trong học tập?

**Học sinh:** Tôi muốn nói với các bạn rằng, dù có khó khăn đến đâu, hãy luôn tin vào khả năng của bản thân và không bỏ cuộc. Hãy tìm kiếm sự giúp đỡ từ người khác và luôn cố gắng hết mình. Thành công sẽ đến với những người kiên nhẫn và không ngừng nỗ lực.

**Phóng viên:** Cảm ơn bạn đã chia sẻ câu chuyện của mình. Chúc bạn tiếp tục thành công trong học tập và cuộc sống.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**1. GV tổ chức hoạt động PHÓNG VIÊN DẠO**

- Quay video lại một cuộc phỏng vấn (đề tài tự chọn), đăng lên group nhóm lớp

- Bài phỏng vấn nào được thả nhiều tim, like sẽ được khen thưởng.

**2. GV yêu cầu HS theo dõi và thực hiện đánh giá theo bảng kiểm mẫu**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC.**

**1.Bài vừa học:**

-Đọc lại văn bản.

-Học thuộc nội dung ghi vở.

**2.Bài sắp học**: **Ôn tập**

-Đọc và trả lời các câu hỏi sgk/148

**Tiết 67 : ÔN TẬP**

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực**

- Tổng hợp kiến thức trong chủ đề 5

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Về phẩm chất**

- Nghiêm túc, chăm học

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu**

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**GV tổ chức trò chơi CHIM CÁNH CỤT HỌC BÀI**

**1. Khi tìm hiểu một truyện thơ, chúng ta cần chú ý những điều gì?**

🡪 Những lưu ý khi tìm hiểu một truyện thơ: cốt truyện, nhân vật, lời thoại, chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật, tư tưởng, thông điệp.

**2. Để cuộc phỏng vấn có hiệu quả, chúng ta cần lưu ý những gì?**

- Cần chuẩn bị kĩ càng trước khi phỏng vấn

- Thực hiện đầy đủ các bước phỏng vấn

- Sau khi phỏng vấn cần đọc/ nghe kĩ lại nội dung phỏng vấn để biên tập nội dung phỏng vấn chính xác, đầy đủ.

**3. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm: “Truyện thơ Nôm là thể loại tự sự bằng văn (1)….và viết bằng chữ (2)…., ra đời từ thế kỉ (3)…., phát triển mạnh vào (4)….**

(1): vần

(2): Nôm

(3): XVII

(4): cuối thế kỉ XVIII và thế kỉ XIX

**4. Cốt truyện của truyện thơ Nôm thường được triển khai theo mô hình nào?**

🡪 Gặp gỡ (hội ngộ) – Tai biến (lưu lạc) – Đoàn tụ (đoàn viên)

**5. Nhân vật trong truyện thơ Nôm được chia thành mấy tuyến?**

🡪 2 tuyến (chính diện, phản diện)

**6. Bên cạnh những đặc trưng cơ bản, truyện thơ Nôm có mô phỏng truyện cổ tích thần kì với những nhân vật kì ảo và loài vật thần kì hay không?**

🡪 Có

**7. Theo em, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ, đâu là loại chữ viết có nhiều ưu điểm hơn?**

🡪 Chữ Quốc ngữ

**8. Điển tích, điển cố có tên gọi chung là gì?**

🡪 Điển

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Trò chơi vừa rồi đã giúp các em củng cố lại một chút kiến thức chúng ta đã học trong bài 5. Chúng ta sẽ tiếp tục điểm qua lại kiến thức đó qua các bài tập ngày hôm nay nhé!*

**Hoạt động 2: Ôn tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV áp dụng kĩ thuật KHĂN TRẢI BÀN (**3 nhóm, yêu cầu hoàn thành PHT, mỗi nhóm lên báo cáo 1 văn bản)    **GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập 3**  **GV tổ chức hoạt động XYZ- 4-5-3**  X- số người trong nhóm  Y- số ý kiến mỗi người cần đưa ra  Z- phút dành cho mỗi cá nhân đưa ra ý kiến  - Mỗi nhóm 4 người, mỗi người đưa ra 5 ý kiến vào 1 tờ giấy trong vòng 3 phút và tiếp tục chuyển cho thành viên tiếp theo trong nhóm.  - Tiếp tục như vậy cho đến khi tất cả mọi người đều đưa ra ý kiến của mình, có thể lặp lại vòng khác.  - Sau khi thu thập hết ý kiến, tiến hành thảo luận, đanh giá các ý kiến  Qua các văn bản trong bài học này, em có nhận xét gì về khát vọng công lí và cách thể hiện khát vọng ấy trong truyện thơ Nôm và truyện cổ tích thần kì?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS tham gia hoạt động, hoàn thành bài tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 1**  **a. Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga**  **\* Đặc điểm nhân vật**  - Đặc điểm, tính cách của nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga được thể hiện qua hành động, ngôn ngữ (lời thoại), cụ thể:  + Lục Vân Tiên mang những phẩm chất của người anh húng lí tưởng của nhân dân: anh hùng, hào hiệp, giàu lòng nhân ái, trọng nghĩa khinh tài  + Kiều Nguyệt Nga: gia giáo, nền nếp, hiếu thảo, ân nghĩa thuỷ chung  **\* Đặc điểm lời thoại**: Ngôn ngữ đối thoại giữa các nhân vật, góp phần thể hiện đặc điểm, tính cách của nhân vật  **b. Thuý Kiều báo ân, báo oán**  **\* Đặc điểm nhân vật**  - Đặc điểm, tính cách của nhân vật Thuý Kiều, Hoạn Thư được thể hiện qua hành động, ngôn ngữ (lời thoại), cảm xúc, cụ thể:  + Thuý Kiều: thấu hiểu đạo lí nhân nghĩa ở đời (báo ân rồi sẽ trả thù); cụ thể là trọng ân nghĩa, vị tha, tế nhị, khéo léo; bao dung, độ lượng; mạnh mẽ, quyết liệt,…  + Hoạn Thư: khôn ngoan, giảo hoạt, thấu hiểu tâm lí đối phương  **\* Đặc điểm lời thoại**: Ngôn ngữ đối thoại giữa các nhân vật, góp phần thể hiện đặc điểm, tính cách của nhân vật  **c. Tiếng đàn giải oan**  **\* Đặc điểm nhân vật**: Đặc điểm, tính cách của nhân vật Thạch Sanh chủ yếu được thể hiện qua hành động, tâm trạng, cảm xúc. Chàng là người rất hiền lành, tốt bụng. Biết Lý Thông hại mình nhưng cũng không oán thán, kêu ca  **\* Đặc điểm lời thoại**: Ngôn ngữ đối thoại giữa các nhân vật  **Bài 3**  *Xót người tựa cửa hôm mai,*  *Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ.*  *Sân Lai cách mấy nắng mưa,*  *Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*  (Truyện Kiều – Nguyễn Du)  **Điển tích**: *Sân Lai, Gốc tử, quạt nồng ấp lạnh*: Nói đến sự thương nhớ, đau xót, lo lắng cho cha mẹ khi Thúy Kiều không thể ở bên cạnh khi nàng không ở cạnh.  **Bài 6**  **\* Khát vọng công lý:**  - Là một trong những chủ đề quan trọng, xuyên suốt trong các tác phẩm Nôm và truyện cổ tích thần kỳ.  - Thể hiện mong muốn về một xã hội công bằng, tốt đẹp, nơi cái thiện chiến thắng cái ác, người tốt được hưởng hạnh phúc, kẻ ác bị trừng phạt.  - Xuất phát từ hiện thực xã hội bất công, áp bức, bóc lột trong xã hội phong kiến..  **\* Cách thể hiện khát vọng công lý:**  **- Qua các nhân vật:**  + Nhân vật chính: thường là những người hiền lành, tốt bụng, chịu nhiều bất công, oan ức, nhưng vẫn kiên cường đấu tranh, cuối cùng được đền đáp xứng đáng.  + Nhân vật phụ: góp phần tô đậm sự bất công, tàn ác của xã hội và vai trò của nhân vật chính trong cuộc đấu tranh cho công lý.  + Nhân vật phản diện: đại diện cho cái ác, sự bất công, thường bị trừng phạt thích đáng.  **- Qua các tình tiết, sự kiện:**  + Tình tiết gay cấn, hấp dẫn: thể hiện cuộc đấu tranh giữa thiện và ác, giữa công lý và bất công.  + Sự kiện ly kỳ, huyền ảo: thể hiện niềm tin vào chiến thắng của cái thiện, công lý.  + Kết thúc có hậu: thể hiện niềm tin vào một xã hội công bằng, tốt đẹp.  **- Qua các biện pháp nghệ thuật:**  + Ngôn ngữ: sử dụng nhiều từ ngữ có ý nghĩa ca ngợi cái thiện, phê phán cái ác.  + Hình ảnh: sử dụng nhiều hình ảnh ẩn dụ, so sánh để thể hiện khát vọng công lý.  +Âm điệu: sử dụng nhiều câu thơ hào hùng, sảng khoái để thể hiện niềm tin vào chiến thắng của cái thiện.  **- Ý nghĩa:**  + Thể hiện ước mơ, khát vọng của nhân dân về một xã hội công bằng, tốt đẹp.  + Góp phần giáo dục đạo đức, rèn luyện phẩm chất tốt đẹp cho con người.  + Có giá trị nhân đạo sâu sắc, trường tồn cùng thời gian. |

**Hoạt động 3: Luyện tập- Vận dụng**

**GV tổ chức hoạt động nhóm:** Vẽ sơ đồ bố cục bài văn phân tích một tác phẩm văn học (phân tích nội dung chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật).

Gv chia lớp thành 4 nhóm, hoạt động về nhà

**IV.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC.**

**1.Bài vừa học:**

-Học thuộc nội dung ghi vở.

**2.Bài sắp học**: **Ôn tập cuối học kì I**

-Đọc và trả lời các câu hỏi sgk/149,150….

**Tiết 68,69 : ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực**

- Tổng hợp kiến thức trong các chủ đề ở HKI

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Về phẩm chất**

- Nghiêm túc, chăm học

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu**

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

? Em đã học những nội dung nào trong học kì 1?

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*

- HS lắng nghe và hoạt động cá nhân.

- GV theo dõi, quan sát HS.

*\* Báo cáo, thảo luận:*

- HS được trả lời cá nhân theo tinh thần tự chủ động

*\* Kết luận, nhận định:*

- GV nhận xét, chốt kiến thức, dẫn dắt vào bài học.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (ÔN TẬP)**

**2.1. ÔN TẬP NỘI DUNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VÀ TIẾNG VIỆT**

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

– Ở nhà: Nhóm 2 HS trả lời các câu hỏi ôn tập phần Đọc trong và phần tiếng Việt trong SGK.

– Trên lớp: Nhóm 4 HS (gộp 2 cặp HS lại) trao đổi kết quả làm việc ở nhà với nhau.

Lưu ý về phần Đọc:

**Câu 4:** HS xem lại mục *Đôi nét về lịch sử văn học Việt Nam*, Bài 5. *Khát vọng công lí* trước khi thực hiện nhiệm vụ học tập. Tiếp theo, HS rà soát lại trong số những VB đã học ở học kì I, xác định VB nào là VB văn học của văn học Việt Nam, sau đó dựa vào phương thức và phương tiện sáng tác, lưu truyền để phân loại và sắp xếp các VB vào bảng tóm tắt theo yêu cầu của bài tập.

**Câu 5:** HS xem lại đặc điểm của các loại/ thể loại VB đã học ở học kì I để thực hiện nhiệm vụ.

**Câu 6:** HS xem lại mục *Truyện truyền kì* của phần *Tri thức Ngữ văn* (Bài 9). *Con người trong thế giới kì ảo* và mục *Truyện thơ Nôm* của phần *Tri thức Ngữ văn* (Bài 5). *Khát vọng công lí* để thực hiện nhiệm vụ.

**Câu 7:** Trước tiên, cá nhân HS xem lại kết quả đọc hiểu từng VB *Đọc mở rộng theo thể loại* ở từng bài học để thực hiện nhiệm vụ học tập. Từng cá nhân HS chỉ cần chỉ ra tối thiểu một nét đặc sắc về nội dung và hình thức ở từng VB. Sau đó, HS trao đổi theo nhóm để chia sẻ kết quả đọc mở rộng với nhau.

**Câu 8:** HS xem lại đơn vị bài học có liên quan đến VB nghị luận và VB thông tin; từ đó rút ra những kinh nghiệm cụ thể ứng với việc học đọc hiểu từng loại VB. Để làm tốt câu hỏi này, HS cần xem lại hồ sơ đọc lưu trữ hoặc tài liệu ghi chép/ nội dung thực hiện các nhiệm vụ học tập về phần Đọc đã hoàn thành ở từng bài học. HS chỉ cần nêu được ít nhất một kinh nghiệm ở từng bài học, mỗi kinh nghiệm nên được trình bày dưới dạng một cụm động từ.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

*\* Báo cáo, thảo luận:*

– Trước tiên: nhóm 2 HS trao đổi bài trong nhóm 4 HS. Các nhóm 2 HS sẽ bổ sung, điều chỉnh kết quả làm việc ở nhà dựa trên nội dung trao đổi.

– Sau đó, đại diện một vài nhóm 4 HS trình bày nội dung trả lời của mình theo từng câu hỏi. Các nhóm HS khác trao đổi, nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*

– GV nhận xét thái độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà của các nhóm HS.

– GV nhận xét câu trả lời của HS, kết luận theo gợi ý tham khảo sau:

**PHẦN ĐỌC**

**Câu 1:**

– Đặc điểm của ngôn ngữ thơ: hàm súc, ngắn gọn, giàu hình ảnh, gợi nhiều hơn tả, giàu nhạc điệu, được tổ chức thành một cấu trúc đặc biệt: có vần, nhịp, thanh điệu, đối...

– Khi đọc thơ, cần đọc thành tiếng/ đọc diễn cảm để làm sống dậy hiệu quả tác động của các yếu tố như vần, nhịp, thanh điệu, đối,… của ngôn ngữ thơ; đồng thời giúp người đọc hình dung, cảm nhận rõ hơn về thế giới nội tâm của nhà thơ được thể hiện qua ngôn ngữ thơ. Từ đó, ngôn ngữ thơ có thể dễ dàng tác động trực tiếp đến cảm xúc của người đọc.

**Câu 2:** Đáp án D.

**Câu 3:** Đáp án A.

**Câu 4:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các bộ phận của văn học Việt Nam** | | **Tên văn bản văn học đã học ở học kì I** |
| Văn học dân gian | | Không có |
| Văn học viết | Văn học chữ Hán | *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ)  *Truyện lạ nhà thuyền chài* (Lê Thánh Tông) |
| Văn học chữ Nôm | *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* (Trích *Truyện Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu)  *Thuý Kiều báo ân, báo oán* (Trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du)  *Tiếng đàn giải oan* (Truyện thơ Nôm khuyết danh) |
| Văn học chữ Quốc ngữ | *Quê hương* (Tế Hanh)  *Bếp lửa* (Bằng Việt)  *Vẻ đẹp của Sông Đà* (Nguyễn Tuân)  *Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải)  *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp) |

**Câu 5:**

1. Truyện thơ; 2. Truyện truyền kì; 3. VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử; 4. VB nghị luận; 5. Thơ; 6. Bài phỏng vấn.

**Câu 6:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung so sánh** | **Truyện truyền kì** | **Truyện thơ Nôm** |
| Điểm giống nhau | Thể loại tự sự của văn học viết | |
| Điểm khác nhau | * Viết bằng chữ Hán * Thể loại tự sự được viết bằng văn xuôi, phát triển mạnh ở thế kỉ XVI – XVII. * Cốt truyện: thường sử dụng yếu tố kì ảo, tạo nên những biến đổi bất ngờ và hợp lí hoá những điều ngẫu nhiên, bất bình thường. * Nhân vật:…… * … | – Viết bằng chữ Nôm  – Thể loại tự sự được viết bằng văn vần, chủ yếu là thể thơ lục bát, phát triển mạnh vào cuối thế kỉ XVIII và thế kỉ XIX  – Cốt truyện: thường theo một trong hai mô hình: gặp gỡ (hội ngộ) – tai biến (lưu lạc) – đoàn tụ (đoàn viên), hoặc mô hình nhân – quả (ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ)  – Nhân vật:…  –… |

**Câu 7:** HS tự thực hiện.

**Câu 8:** HS tự thực hiện.

**PHẦN TIẾNG VIỆT**

**Câu 1:**

– Bài 1: Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần: đặc điểm và tác dụng.

– Bài 2: Cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

– Bài 3: Phương tiện phi ngôn ngữ; Nghĩa và cách dùng tên viết tắt của một số tổ chức quốc tế quan trọng.

– Bài 4: Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp và việc sử dụng dấu câu.

– Bài 5: Một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ; Điển tích, điển cố: đặc điểm và tác dụng.

**Câu 2**:

– *Ngọc Mỵ Nương*: được gợi lên từ tích “ngọc trai, giếng nước” trong truyền thuyết An Dương Vương và Mỵ Châu – Trọng Thuỷ, ý nói đến chết vẫn giữ lòng trong sáng.

*Cỏ Ngu mĩ*: nhắc đến tích về nàng Ngu Cơ, vợ Hạng Vũ; khi Hạng Vũ thua trận, thế cùng, chạy đến Cai Hạ, nàng rút gươm tự vẫn; tương truyền, hồn Ngu Cơ hoá thành hai khóm cỏ trên mộ, ngày đêm cứ quấn quýt lấy nhau, người ta gọi là cỏ Ngu mĩ nhân, ý nói đến chết vẫn giữ lòng chung thuỷ.

– Tác dụng: việc sử dụng điển *ngọc Mỵ Nương*, *cỏ Ngu mĩ* làm cho việc diễn đạt trở nên hàm súc, giàu sức biểu hiện, gián tiếp bộc lộ thái độ của tác giả đối với Vũ Nương: cảm thương cho nỗi oan khuất và khẳng định tấm lòng thuỷ chung, trong sáng của nàng.

**Câu 3:**

a.Biện pháp tu từ chơi chữ: *Chữ* ***tài*** *liền với chữ* ***tai*** *một vần* 🡪 Biện pháp tu từ chơi chữ được sử dụng dựa trên lối nói gần âm. Tác dụng: mang đến một ý nghĩa bất ngờ cho câu thơ, ***tài*** và ***tai*** vốn chỉ khác nhau ở thanh điệu nhưng nghĩa thì hoàn toàn đối nghịch sau. Theo sự chiêm nghiệm đúc kết của tác giả thì những người tài sắc vẹn toàn thường gắn với những tai ương, gian truân, khó khăn trong cuộc đời.

b. Biện pháp tu từ chơi chữ: ***Hồng quân*** *với khách* ***hồng quần*** 🡪Biện pháp tu từ chơi chữ được sử dụng dựa trên lối nói gần âm. Tác dụng: tạo ra ý nghĩa bất ngờ, thú vị cho câu thơ. ***Hồng quân*** vốn được dùng để chỉ trời, đấng tạo hoá; còn ***hồng quần***dùng để chỉ người con gái trẻ đẹp thời phong kiến. Hai từ ngữ này có âm gần giống nhau nhưng nghĩa lại rất khác nhau (***hồng quân***: trời,đấng tạo hoá có quyền sắp xếp sự vận hành của vũ trụ, quyết định số phận mọi sinh vật; ***hồng quần***: người con gái trẻ đẹp thời phong kiến không có quyền tự quyết đối với cuộc đời mình).

**2.2. ÔN TẬP NỘI DUNG VIẾT, NÓI VÀ NGHE**

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

– Ở nhà: Nhóm 2 HS trả lời các câu hỏi của phần Viết và phần Nói và nghe.

Lưu ý về phần Viết:

+ **Câu 1:** HS xem lại các kiểu bài viết đã học ở học kì I để hoàn thành bảng tóm tắt (làm vào vở).

+ **Câu 2:** HS xem lại kiểu bài viết đã học ở Bài 2. *Giá trị của văn chương* và Bài 5. *Khát vọng công lí* để thực hiện nhiệm vụ.

Lưu ý về phần Nói và nghe:

**Câu 1:** HS xem lại nội dung dạy học về kĩ năng nói và nghe ở Bài 1. *Thương nhớ quê hương* để thực hiện nhiệm vụ. HS lưu ý những thao tác cần thực hiện ở hai giai đoạn: *Chuẩn bị* và *thảo luận*. Chú ý thảo luận có hai hình thức là *thảo luận trong nhóm nhỏ* và *thảo luận giữa các nhóm*.

– Trên lớp: Nhóm 4 HS (gộp 2 cặp HS lại) trao đổi kết quả làm việc ở nhà với nhau.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

*\* Báo cáo, thảo luận:*

– Trước tiên, nhóm 2 HS trao đổi bài trong nhóm 4 HS. Các nhóm 2 HS sẽ bổ sung, điều chỉnh kết quả làm việc ở nhà dựa trên nội dung trao đổi.

– Sau đó, đại diện một vài nhóm 4 HS trình bày nội dung trả lời của mình theo từng câu hỏi. Các nhóm HS khác trao đổi, nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*

– GV nhận xét thái độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà của các nhóm HS.

– GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận theo gợi ý tham khảo sau:

**PHẦN VIẾT**

**Câu 1:** HS tự thực hiện.

**Câu 2:**

– Điểm giống nhau: đều mang những đặc điểm và yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

– Điểm khác nhau:

+ Bài 2: Nghị luận phân tích một tác phẩm thơ hoặc truyện.

+ Bài 5: Nghị luận phân tích một đoạn trích của truyện.

**PHẦN NÓI VÀ NGHE**

**Câu 1:** HS tự thực hiện.

**Câu 2:** HS có thể chia sẻ những kinh nghiệm về cách chuyển nội dung bài viết thành bài nói như: đọc kĩ lại bài viết; gạch chân các ý chính, từ ngữ quan trọng; tóm tắt ý bằng hình thức sơ đồ/ danh sách/ bảng biểu/…; xác định những nội dung của bài viết có thể khiến người nghe khó hiểu nếu chỉ được trình bày bằng phương tiện ngôn ngữ; xác định những từ ngữ/ cách diễn đạt không phù hợp với ngôn ngữ nói,…

**Câu 3, câu 4, câu 5:** HS tự thực hiện.

**IV.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC.**

**1.Bài vừa học:**

-Học thuộc nội dung ghi vở.

**2.Bài sắp học**: **Kiểm tra cuối học kì I**